Y 50

ĐÀO DUY ANH
(QUAN HẢI TÙNG THƯ)

VĂN HÓA LÀ GÌ ?

1947 | PDF | 80 Pages
buihuuhanh@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN
TÂN VIỆT - HANOI
In và phát hành tại Saigon
1948

2672

ĐÀO DUY ANH
(QUA NHỮNG TÙNG THƯ)

VĂN HÓA LÀ GÌ ?

VĂN HÓA
LÀ GÌ ?

NHÀ XUẤT BẢN
TÂN VIỆT - HANOI
1948

T.V.H
968130

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE · IMPRIMÉS · R.F.

ĐÀO DUY ANH
(QUA NHẢI TÙNG THƯ)

VĂN HÓA LÀ GÌ ?

NHÀ XUẤT BẢN
TÂN VIỆT - HANOI
In và phát hành tại Saigon
1948

VĂN HÓA LÀ GÌ ?

của

ĐÀO DUY ANH

do nhà TÂN VIỆT Hanoi xuất bản in tại Saigon ngoài những bản thường có in thêm mười bản trên giấy trắng đẹp dành riêng cho những bạn yêu sách đẹp đánh dấu A.B.C D.E F.G.H.I Y.

BẢN .....

R. F.

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN.

I

Ý nghĩa chữ văn hóa

Giới thuyết

VỀ ý nghĩa của chữ Văn-hóa và chữ Văn minh (tương đương với tiếng Pháp là Civilisation và tiếng Đức là Kultur), các nhà học giả thế giới, nhất là Tây-phương, bàn cãi đã nhiều lắm ; ở đây tôi đã không thể nhắc lại tất cả những cuộc thảo luận ấy thì cũng xin gác bỏ hẳn ra ngoài, mà chỉ nói khái quát về cái ý nghĩa mà chính tôi đã thừa nhận.

Người ta thường nói dân tộc văn minh, thời đại văn minh để đối với dân tộc dã man, thời đại dã man. Trái lại, người ta thường nói văn hóa Tây-phương, văn hóa Đông-phương (văn minh), văn hóa các dân tộc Da-đen, Da-đỏ (dã man), văn hóa đồ đá cũ, văn hóa điện khí. Xem thế ta nhận thấy ngay chữ văn hóa khác với chữ văn minh thế nào, tuy rằng theo các ý niệm khác nhau ấy, tiếng Pháp đều nhất thể dùng một chữ CIVILISATION thôi.

Ta có thể nói rằng chữ văn minh dùng để chỉ một trình độ văn hóa khá cao như trình độ các dân tộc

Âu-Mỹ, dân tộc Trung-hoa, Ấn-độ, trái với chữ dã man dùng để chỉ một trình độ văn hóa thấp như trình độ các dân Mọi ở Trường-sơn, các dân Da-đen ở Phi-châu các dân Da-đỏ ở Mỹ-châu. Văn hóa không phải là văn minh, mà văn minh chỉ là giai đoạn khá cao của văn hóa.

Người ta lại thường lầm rằng văn hóa là những cái thuộc về tinh thần, như tư tưởng, học thuật, tôn giáo, pháp luật, cơ hồ lộn văn hóa với ý thức hệ (idéologie). Ý thức hệ chỉ là biểu hiện những trạng thái sinh hoạt về trí tuệ, tình cảm, chỉ là một phần của văn hóa, vì văn hóa bao hàm hết thảy các phương diện sinh hoạt của loài người, từ sinh hoạt vật chất, sinh hoạt tinh thần cho đến sinh hoạt xã hội.

Vì văn hóa bao gồm hết cả các phương diện của sinh hoạt cho nên ta có thể nói rằng « *văn hóa tức là sinh hoạt* ». Tuy nhiên, văn hóa với sinh hoạt vẫn là hai cái khác nhau, chứ không phải rằng hai chữ « *văn hóa* » và « *sinh hoạt* » có thể thông dụng với nhau được đâu.

Người nhà quê bì bõm trong bùn dưới nắng để cày ruộng, người ấy đương sinh hoạt chứ không phải hoạt động về văn hóa. Nhưng những người xưa đã nhờ kinh nghiệm và thiên tài mà biết chế ra lưỡi cày đồng hay sắt để thay cho lưỡi cuốc đá, đã biết dùng trâu bò mà thay sức người, cũng như các nhà kỹ sư nông học lợi dụng khoa học mà cải lương kỹ thuật nghề nông, đều đã sản sinh giá trị văn hóa, làm cho văn hóa tiến bộ nhiều lắm. Khi người mất trộm vác đơn đi kiện, khi ông quan tòa ngồi xử kiện, họ chỉ sinh hoạt, nhưng tất cả những người đã tham dự xa gần vào sự

tạo thành tục lệ hay pháp luật, cùng sự tổ chức pháp đình là đã hoạt động về văn hóa. Những người đào kép nhẩy múa trên sân khấu chỉ sinh hoạt, nhưng khi họ gắng công tập một điệu múa điệu hát xưa, hay đặt một điệu múa mới, một điệu hát mới, thì cũng như những người viết tuồng, những người bố cảnh, họ hoạt động về văn hóa.

Theo các tỷ dụ ấy, chúng ta thấy văn hóa và sinh hoạt có chỗ giống nhau và khác nhau thế nào. Nhưng thực ra chúng ta không thể lấy văn hóa và sinh hoạt làm hai vật đối lập mà so sánh với nhau, vì văn hóa không thể nào lìa sinh hoạt ra mà phát triển được Văn hóa chỉ có thể phát triển ở trên đám đất sinh hoạt mà thôi.

Nhưng các động vật cũng sinh hoạt mà sao không có văn hóa ? Chính bởi văn hóa mà loài người khác với loài động vật vậy. Ta có thể nói rằng văn hóa là thành tích của sự gắng sức không ngừng của loài người để thoát ly dần dần sự áp bách của tự nhiên, — chính loài người cũng là một phần của tự nhiên— là bao nhiêu lực lượng loài người sáng tạo và vận dụng — từ sự phát minh ra lửa, sự dùng quần áo, làm nhà cửa, đến sự ứng dụng điện khí, sự chế tạo tàu lặn, máy bay, từ các ma thuật và thần thoại của người thái cổ cho đến những nghệ thuật, triết học và khoa học đời nay — để chống cự và chinh phục tự nhiên. Những lực lượng ấy là biểu hiện những trạng thái sinh hoạt của loài người, kết tinh thành những hình thức tương đương mà ta thường gọi là những giá trị văn hóa. Ta có thể nói rằng văn hóa là những giá trị biểu hiện cuộc sinh hoạt mạnh mẽ của loài

người, trong cả các phương diện vật chất, tinh thần và xã hội.

Bằng vào giới thuyết ấy, tôi xin kể đại khái những môn bộ gồm thành văn hóa như sau này : hình thái kỹ thuật, hình thái kinh tế, hình thái chính trị, pháp luật, binh chế, giáo dục, ngôn ngữ, văn tự, văn học, nghệ thuật, khoa học, triết học, phong tục, lễ nghi, tôn giáo, v.v... Cũng bằng vào giới thuyết ấy, chúng ta thấy rằng đời nào cũng có văn hóa, dân nào cũng có văn hóa, có khác nhau chỉ là trình độ hơn kém mà thôi.

* * *

Điều kiện của văn hóa

Ở mục trước, tìm giới thuyết của văn hóa, chúng ta đã thấy rằng văn hóa là những giá trị biểu hiện những trạng thái sinh hoạt của loài người, nhờ đó mà loài người phân biệt với các loài động vật khác. Nhưng ta lại biết rằng loài người sở dĩ thoát ly được tình trạng động vật mà thành người là nhờ sự góp sức làm việc. Vậy văn hóa là kết quả của sự làm việc của loài người sống trong xã hội. Xem thế thì ***điều kiện đầu tiên của văn hóa là sự làm việc.***

Cái kết quả của sự làm việc — văn hóa — tất nhiên là tương đương với trạng huống của công-cụ làm việc, hay là công cụ sinh sản. Tùy theo trạng huống của công cụ ấy ở mỗi thời đại, mỗi dân tộc, mà mỗi thời, mỗi dân có cách vận dụng công cụ để sinh sản, tức là có phương pháp sinh sản riêng. Ví dụ một dân tộc dã man nọ ở Úc châu chỉ có cái cung và cái thương là

công cụ chủ yếu. Cách sinh sản thực phẩm của họ là do trạng huống công cụ thô lậu ấy quyết định, nên phương pháp sinh sản rất thô lậu của họ, không thể so sánh nổi với phương pháp sinh sản của các dân tộc Âu Mỹ có những công cụ tinh vi thần diệu như máy hơi nước và hơi điện.

Một phương diện khác, người ta, dẫu là những kẻ thiên tài lỗi lạc, dẫu là những kẻ có sức làm việc mạnh khỏe phi thường, cũng không thể nhờ vào sự làm việc một mình mà sống nổi. Người ta cần phải có phân công hợp tác với nhau. Nhưng sự phân công hợp tác — tức xã hội học gọi là quan hệ sinh sản — lại do phương pháp sinh sản mà quyết định. Các dân tộc sơ khai, và bán khai ở giai đoạn du mục, canh nông, do phương pháp sinh sản thấp kém mà tổ chức sự phân công hợp tác một cách không thể giống với sự phân công hợp tác của các dân tộc văn minh có phương pháp sinh sản cao hơn, như chế độ đại công xưởng, chế độ hợp lý hóa, chế độ sản nghiệp tập trung v. v... Do sự tổ chức phân công hợp tác, tức là quan hệ sinh sản mà cách sinh hoạt vật chất và tinh thần, hay là phương thức sinh hoạt của mỗi thời đại, mỗi dân tộc khác nhau. Cái phương thức sinh hoạt nào là tương đương với văn hóa ấy. Vì vậy người ta thường cho rằng văn hóa tức là phương thức sinh hoạt.

Theo sự thực thì những điều kiện của văn hóa phức tạp hơn thế nhiều. Những điều kiện vật chất và tinh thần, không phải là toàn do cái dưới quyết định cái trên, cái gốc quyết định cái ngọn theo như hình thức đơn sơ thông thường. Các điều kiện ấy vốn hỗ tương làm nhân quả cho nhau, mà ở trong sự sinh hoạt thực

tế thì những quan hệ hỗ tương ấy rất là phiền phức. Cũng có khi chỉ điều kiện tinh thần quyết định một hiện-tượng, cũng có khi hiện-tượng khác toàn do điều kiện vật chất quyết định thôi; trong phần nhiều trường-hợp thì khó lòng phân tách phần ảnh hưởng nào là vật chất hay là tinh thần. Nhưng xét theo đại thể thì cái *điều kiện quyết định phương thức sinh hoạt của người ta, và quyết định những giá trị văn hóa tương đương, tức là quan hệ sinh sản*, mà, như chúng ta đã biết, quan hệ sinh sản rốt cuộc lại do trạng huống của công cụ sinh sản mà quyết định.

Đã nhận được rõ những điền kiện của văn hóa thì chúng ta hiểu rằng mỗi khi cái phương thức sinh hoạt thay đổi thì văn hóa không thể nào đứng yên được. Không nói xa xôi, nói ngay Đông-phương, ngay nước Việt-nam, từ khi tiếp xúc với Tây-phương, phương thức sinh hoạt của chúng ta thay đổi rất nhiều. Thế thì cái văn hóa lão đại của Đông-phương, cái văn hóa quốc túy của chúng ta, dù các nhà thủ cựu ra sức bao nhiêu, cũng không thể nằm yên được mà phải biến đổi.

Nhưng đứng trước tình thế biến đổi ấy, chúng ta có thể có những thái độ sau nầy :

1) Khi phương thức sinh hoạt thay đổi, người ta có thể cứ để tự nhiên, văn hóa tất cũng phải thay đổi theo, không cần phải có sức người hoạt động. Lối suy luận như thế là một lối khách quan chủ nghĩa nguy hiểm. Văn hóa do người tạo ra, không thể không do ảng hưởng của sự hoạt động của người mà biến chuyển. Những kẻ không hoạt động chỉ là tự gạt mình ra ngoài vòng tiến triển của văn hóa, của lịch-sử.

2) Nhưng nếu ta không nhận đứng đắn những điều kiện thay đổi của sự sinh hoạt thì hoạt động của chúng ta có thể, hoặc trở ngại cho sự tiến triển của văn hóa, hoặc chỉ là những hành vi vô ích.

3) Nếu chúng ta nhận đứng đắn được những điều kiện thay đổi của sự sinh hoạt mà hoạt động theo chiều thay đổi ấy thì sự hoạt động có thể giúp cho văn hóa biến đổi dễ dàng mau chóng, mà văn hóa trở lại có thể giúp cho sinh hoạt cũng biến đổi thuận tiện hơn. Sự hoạt động về văn hóa là phải giúp cho sự cải tạo của sinh hoạt vậy.

* * *

Hoạt động về văn hóa

Chúng ta đã biết rằng văn hóa là do sự làm việc, do sự gắng sức của loài người mà thành. Cứ thế thì vô luận người nào cũng tham dự vào sự cấu tạo văn hóa, từ người vượn ở buổi nhân loại chưa thoát ly hẳn tình trạng thú loại, cho đến nhà bác học thông minh cặm cụi trong nhà thí nghiệm tối tân. Văn hóa ngày nay là kết quả của sự hợp tác của toàn thể nhân loại trải qua một lịch sử đau đớn gay go.

Nhưng sự hợp tác của loài người đã khiến sự phân công càng ngày càng tinh tế, cho nên chúng ta thấy, tuy vô luận hạng người nào cũng có thể tham dự vào cuộc cấu tạo văn hóa, mà ở xã hội lại dần dần sinh ra một hạng người chuyên môn hoạt động về văn hóa (chính vì thế cho nên mới thấy có những hội, những đoàn văn hóa), tức là hạng mà người ta thường gọi là

trí-thức. Đồng thời với sự phân công ấy, những nhà trí-thức lại có quan niệm xem văn hóa là địa vực hoạt động riêng của họ, cho nên họ cho rằng văn hóa là gồm những năng lực tinh thần của loài người mà họ là đại biểu. Trong sự hoạt động văn hóa, chúng ta có thể phân biệt được hai thứ quan năng khác nhau : ***một quan năng sáng tạo những giá trị mới để khiến văn hóa phát triển càng ngày càng cao, và một quan năng tái tạo những giá trị cũ để khiến văn hóa được liên tục.*** Vì có sự phân biệt ấy cho nên trong hạng trí thức, người ta cũng nhận thấy hai phương diện khác nhau : một số mà là số rất đông chỉ chuyên hoạt động về sự tái tạo văn hóa, tức là hạng duy trì truyền tiếp văn hóa ở trong xã hội và lịch sử ; một số rất ít gồm những người sáng tạo văn hóa, tức là những thiên tài lỗi lạc như Khổng-Khưu, Gia-Tô, Các-Mác, Lê-Nin, đã tạo ra những giá trị văn hóa mới, gây ra những cuộc cách mệnh lớn lao.

Chúng tôi đã nói rằng văn hóa là thành tích của sự gắng sức của loài người để thoát ly tự nhiên, hay nói cho rộng ra, để thoát ly hoàn cảnh thực tại. Sự sáng tạo văn hóa khởi điểm ở trong mối đau đớn do hoàn cảnh thực tại gây cho người, hay là ở trong mối hoài nghi của người đối với hiện trạng. Những người sáng tạo văn hóa, tức là những bậc thiên tài trong lịch sử, đều là những người chịu đựng đau khổ rất giỏi và có rất nhiều năng lực phi thường để hoạt động, để sáng tạo lợi khí mà thoát ra khỏi nỗi đau khổ ấy. Sự sáng tạo văn hóa xưa nay vốn là những sự nghiệp hùng dũng, hy sinh. Trái lại, sự tái tạo văn hóa chỉ là sự thừa nhận những giá trị hiện có, sự cố gắng thu thái

và truyền đạt những giá trị ấy cho xã hội hưởng thụ. Một bên là sáng tác, một bên là bắt chước ; một bên là phản đối, một bên là dung hợp. Vì tính chất và công dụng khác nhau như thế cho nên hai hạng tri thức ấy rất khác nhau. Một bên chỉ sống để tìm giá trị mới, một bên chỉ sống bằng giá trị cũ.

Trong hạng tri thức tái tạo văn hóa này, chúng ta lại phải phân biệt một số người, hoặc vì quyền lợi riêng, hoặc vì những điều kiện khác xuôi khiến, hoặc cố ý, hoặc vô tâm, chỉ vận dụng năng lực tinh thần của mình để duy trì hay bênh vực trật tự cũ, với một số khác ít hơn có cái tự do thoát ly được vòng cương tỏa của quyền lợi cá nhân hay giai cấp mà nhận rõ những nhu yếu và yêu cầu của xã hội hiện thời, ra sức thừa thụ và tái bồi những giá trị văn hóa mới do các nhà tri thức tiền tri tiền giác sáng tạo ra, để giúp cho sự tiến triển của văn hóa và sự biến chuyển của xã hội. Con đường hoạt động văn hóa của những người này, cũng như con đường sáng tạo văn hóa của các bậc thiên tài, chính là con đường cách mệnh.

II

Lai lịch của văn hóa

THEO ý kiến thông thường thì văn hóa là một cái gì cao qui, tốt đẹp, hiếm hoi, dành riêng cho những kẻ thượng lưu trí thức, mà bình dân thì không thể mon men đến gần. Có người cho văn hóa là một món xa xỉ phẩm, chỉ những kẻ giầu sang nhàn rỗi mới hưởng được, đó chính là ý kiến của người thợ nọ đương nghe JEAN GUEHENNO (1) diễn thuyết về văn hóa mà trỗi dậy la lên « văn hóa, mặc kệ nó, làm việc cả ngày xong, còn hơi sức đâu ! phải nghỉ ngơi chứ ! ». Có người thì cho rằng văn hóa chỉ là một lợi khí tinh thần của giai cấp thống trị dùng để lừa phỉnh bóc lột bình dân, văn hóa qui tộc hay tư sản ấy cần phải đánh đổ để có chỗ mà xây dựng một nền văn hóa khác cho bình dân. Cũng có người thì cho văn hóa là di sản qui báu chung của nhân loại bấy lâu bị các giai cấp thống trị riêng chiếm đoạt ngày nay bình dân phải giành lại mà phát triển thêm để đem trở lại cho cả loài người cùng hưởng.

---

(1) Xem sách Conversion à l'humain của Jean Guéhenno.

Ở giữa những ý kiến khác nhau ấy, chúng ta biết tìm lẽ phải ở đâu? Nếu đem những lý-thuyết, những chứng minh của các nhà mà so sánh và bình luận thì chúng tôi sợ rằng không những khó đọi thêm ánh sáng vào cuộc thảo luận mà chỉ tổ làm cho vấn đề càng rắc rối thêm. Chúng tôi tưởng gạt bỏ hẳn những tranh luận ấy ra ngoài mà thử tìm xét lai lịch của văn hóa, như thế lại có lẽ dễ nhận được rõ ràng văn hóa là cái gì?

KHỞI SƠ VĂN HÓA CHỈ LÀ TRANH ĐẤU VỚI ĐẤT.— Trước hết chúng ta phải nhận rằng văn hóa là cái sở hữu riêng của người. Chỉ có người mới có văn hóa. Chính do văn hóa mà người khác với các động vật, chính nhờ văn hóa mà người không phải là động vật. Nhưng tại sao người lại sáng tạo được văn hóa? Người ta bắt đầu bước ra ngoài vòng động vật — người ta bắt đầu lìa cõi loài hầu mà lên cõi loài người — là kể từ khi những điều kiện sinh hoạt gay go ở giữa rừng rậm đòi thái cổ đã bắt người ta phải phân biệt tay với chân, dùng chân để đi đứng và tay để cầm nắm. Sau khi tay đã có việc riêng thì não, theo qui luật hỗ-tương quan-hệ, cũng phát triển, mà tư tưởng của người bắt đầu phôi thai. Nhờ có não để suy nghĩ, nhờ có tay để làm việc, và nhờ sự hợp quần công tác người ta có thể dùng sức một cách tích-cực để giữ gìn và bồi đắp sự sống giữa những áp bách của hoàn cảnh tự nhiên. Văn hóa tức là gồm tất cả những lực lượng của người dùng để bảo trì và phát-triển sinh mệnh vậy.

Ngay từ khi thủy tổ của loài người mới biết cầm hòn đá rắn để đập một trái cây vỏ cứng hay biết dùng

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE

cái cành cây nhọn để đào một củ khoai là văn hóa đã xuất hiện. Kịp đến khi người ta biết đẽo đá thành khía sắc và vót cành cây để làm đồ dùng, nghĩa là không những chỉ biết lợi dụng những vật tự nhiên sẵn có, mà còn biết sửa đổi những vật tự nhiên cho vừa việc cần, thì những nỗi khổ sở của người ở giữa tự nhiên ác liệt đã giảm ít nhiều, văn hóa của người đã tiến bộ một bước dài lắm. Để chống cự ác thú, để săn bắn muông chim, để bắt cua đánh cá, người ta đã tạo ra những búa, dùi, cung, tên, chài lưới ; để che thân khỏi nóng lạnh, người ta đã tạo ra quần áo ; để cho khỏi gió mưa, người ta đã biết cách kết lều lợp túp. Người ta lại tìm ra được lửa là điều phát minh oanh liệt rực rỡ nhất trong lịch sử. Kể từ khi tay mới biết cầm, đến khi người ta biết dùng lửa để nướng đồ ăn và sưởi cho ấm, là đã trải qua biết bao nhiêu nghìn vạn năm rồi. So trình độ của người dùng điện khí ngày nay với trình độ của người vượn Bắc-kinh mới biết dùng lửa thì khác nhau như trời với vực, nhưng so con người vượn mới biết dùng lửa với loài vượn giống người thì chúng ta lại thấy còn khác xa hơn.

Sau khi phát minh được lửa, công-cụ và kỹ-thuật để làm việc của người càng tiến bộ mau hơn trước. Nhờ lửa mà người ta biết dùng đồng vàng, đồng xanh, rồi đến sắt. Khi đã biết dùng kim thuộc làm vật liệu để thay cho gỗ và đá thì trạng-thái sinh-hoạt của người đã dễ dàng nhiều. Bấy giờ người ta không nơm nớp sợ mãnh thú vì đã có vũ khí tinh xảo và sắc bén. Nhờ thuật kiến trúc phát đạt nên không phải ở hang lỗ, hoặc ở lều túp chật hẹp trống trải như xưa nữa. Người ta cũng không sợ lạnh, mà có thể ở tản

mặc khắp mặt địa cầu, chứ không phải khư khư ở vùng nhiệt đới nữa. Nhờ sự chăn nuôi và trồng trọt, sự kiếm đồ ăn không đến nỗi phó cho may rủi như trước nữa. Như thế thì đối với những áp bách của tự nhiên, người ta đã thắng lợi được nhiều, đối với những cần thiết của sinh hoạt ở trong hoàn cảnh ấy người ta đã thỏa mãn được khá. Văn hóa đã nâng người lên cao hơn động vật xa lắm.

Thuở ấy, phạm vi hoạt động của người còn chật hẹp. Buổi đầu người ta chỉ sống trong phạm vi từng tốp, từng bầy chừng mấy chục người; sau những tập đoàn mở rộng ra thành các thị tộc, các bộ lạc. Những điều phát minh về văn hóa, có khi xuất hiện ở một tập đoàn này rồi truyền sang các tập đoàn khác; có khi do những điều kiện và trường hợp tương tự, những điều tương tự xuất hiện trước sau ở các tập đoàn khác nhau; nhiều khi mỗi tập đoàn có những giá trị văn hóa riêng mà tập đoàn khác không có. Nhưng xét đại thể loài người ở giai đoạn thị-tộc và bộ-lạc trở về trước thì văn hóa đều phát sinh và tiến-triển theo đường lối chúng ta vừa xét qua.

Tóm tắt lại, chúng ta có thể nói rằng khởi điểm của văn hóa là ở sự phản ứng sinh hoạt của người đối với hoàn cảnh, nghĩa là ở mối đau khổ của người phải sống trong sự áp bức của tự nhiên và ở sự gắng sức để thoát khỏi trạng thái đau khổ ấy; phương tiện nhờ đó mà văn hóa phát sinh là sự làm việc của người trong xã hội để lợi dụng những vật liệu và lực lượng cướp lấy của tự nhiên; công dụng và mục đích của văn hóa là khiến người chinh phục được tự nhiên để nâng cao trình độ sinh-hoạt vật-chất và tinh-thần; cái

chủ thể gây thành văn hóa là người, là khiếu sáng tạo, tức là tinh thần của người. Vậy thời văn hóa chính là cái lợi khí cho tinh thần của người nhờ cần-lao và hợp-tác mà sáng-tạo ra để tranh đấu với hoàn-cảnh tự nhiên, tức là *tranh đấu với đất* là nơi loài người phải sống, mà giải quyết những nhu-yếu và yêu-cầu do hoàn-cảnh ấy gây ra.

VĂN HÓA CHUYỂN THÀNH TRANH-ĐẤU VỚI NGƯỜI. — Văn hóa là lợi khí tranh đấu của người đối với tự nhiên; nhưng mà người ta chính là một bộ phận của tự nhiên, cho nên trong sự tranh đấu của người với tự nhiên đã chứa đựng sẵn mối tranh đấu của người với người rồi.

Từ khi văn hóa đã tiến đến một trình độ kha khá, người đã tiến đến trạng thái kinh tế chăn nuôi và trồng trọt (mục súc và canh nông), vật-phẩm sinh-sản tiêu dùng không hết, phải để dành, nên sinh ra chế độ của riêng; thế là trạng thái bình đẳng đại đồng ở thời nguyên-thủy và thời thị-tộc bắt đầu biến đổi, mà trong xã-hội bắt đầu nẩy mối phân-hóa. Bọn đàn ông đã dần giữ địa vị trọng yếu trong sự hoạt-động kinh tế, nên đã thành chủ-nhân trong thị-tộc phụ-hệ, dần dần sinh ra gia-tộc phụ-quyền và chế-độ nô lệ. Thế là trong xã hội đã sinh ra sự chia rẽ và sự xung đột giữa người với người. Văn hóa là lợi khí bấy lâu người ta chỉ dùng để đối phó với tự nhiên, ***bây giờ người ta lại đem dùng để đối phó với người nữa.***

Các thị-tộc vì cớ mở rộng phạm vi sinh-hoạt, hoặc do đường lối khác, đã tiến lên thành những tổ chức rộng hơn là bộ lạc và quốc gia. Đại khái sau khi trạng

thái bình đẳng của thị-tộc đã suy thì các bộ-lạc và quốc gia đều theo chế độ nô lệ, những quan niệm công cộng và bình đẳng nhường chỗ cho những quan niệm riêng biệt và chênh lệch, ví như những quan-niệm nam tôn nữ ty, quan-niệm luân thường đạo nghĩa, quan-niệm quân tử tiểu nhân ở xã hội Trung-hoa xưa, toàn là những quan niệm của một lớp người có thế lực (đàn ông và qui-tộc) tạo ra để đè nén đại đa số yếu hèn (đàn bà và nô lệ). Giai cấp thống trị dùng những giá trị văn hóa mới — họ đã bắt đầu tạo ra những giá trị ấy chính từ khi họ muốn thoát ra ngoài những điều kiện của chế độ thị tộc cũ — để củng cố địa vị và quyền lợi của họ.

Trong khoảng ấy dân chúng nô lệ tất nhiên cũng phát sinh những quan-niệm trái ngược để đối phó lại. Sự phản ứng của dân chúng trong mỗi xã hội tuy vốn theo nhiều điều kiện như địa lý và nhân chủng mà thành tính chất riêng biệt, nhưng đại khái cái lòng mong mỏi giải thoát của người ta đều in nhau. Mộng tưởng nát bàn của dân Ấn-độ cũng như mộng tưởng đại đồng của dân Trung-hoa và mộng tưởng thiên-quốc của dân Do-thái, đều là những nỗi ao ước khao khát của dân chúng nô lệ để đối phó với cuộc sinh hoạt đau đớn khổ sở của họ. Những nhà giáo chủ như Thích Ca, Mặc-Địch, Khổng-Khưu, Gia-Tô, chỉ là những nhân vật thiên tài, cảm sâu thấy rõ những mối tình-tứ âm thầm của dân chúng mà biểu hiện ra thành lý tưởng, chớ chẳng phải là bằng không mà hư tạo; những lý tưởng mới đều có hàm ý nghĩa bình đẳng cả, đều là những giá trị văn hóa mà dân chúng khổ sở đương đợi chờ mong mỏi để thoát khỏi sự áp

bức bóc lột của giai cấp qui tộc thống trị. Cũng có khi nỗi bất bình của dân chúng nổ bùng thành những cuộc phản-kháng bạo-động, ví như những trận bạo-động của dân nô lệ ở La-mã. Những cuộc bạo-động ấy tuy trước sau đều thất bại, nhưng chính ảnh hưởng gián tiếp xa xôi của nó là đã dồn chế độ nô lệ dần dần đến chỗ nguy vong.

Dưới chế độ nô lệ, vì chiến tranh và vì kinh tế phát triển, sự phân-hóa ngấm ngầm đã dần dần đem dân chúng nông nô bán tự do mà thay cho dân chúng nô lệ, và đem một giai cấp mới, giai cấp qui tộc phong kiến, mà thay cho giai cấp qui tộc súc-nô xưa. Ở Tây phương, giai cấp phong kiến lợi dụng ngay cơ-đốc-giáo là biểu hiện của những ước ao mộng tưởng của dân chúng nô lệ xưa mà làm lợi khi thống trị và bóc lột dân chúng nông-nô đương Giờ. iáo chỉ của Gia-Tô vốn là phúc âm gieo rắc ái tình và hy vọng vào lòng dân chúng cùng khốn, đến đầu thời trung cổ, bỗng biến thành một tôn giáo uy hiếp ngu dân. Dân chúng vừa còm lưng khổ sở trước bọn qui tộc chư hầu mà làm trâu ngựa, lại phải cúi đầu sợ hãi trước các giáo sĩ lớn nhỏ là đại biểu của Thượng-đế. Luôn luôn họ sống trong cảnh đau đớn và khủng khiếp. Trong các giáo đường, những ảnh tượng hình dung các hình phạt rùng rợn ở địa ngục luôn luôn nhắc nhở cho họ rằng phải yên phận làm trâu ngựa nếu họ muốn tránh khỏi hình phạt.

Nhưng cái văn hóa phong kiến của bọn địa chủ chư hầu và giáo sĩ không sống lâu được mãi. Ngay từ thế kỷ thứ 11, trong lớp dân chúng nông nô đã tách ra một lớp người tài-tuấn dũng cảm hơn ra sức tranh

đấu để thoát khỏi phạm vi thống trị của bọn địa chủ, tức là những kẻ thủ công và thương nhân. Nhờ kinh tế phát triển, bọn này dần dần có tiền và có thế, nên sự chống đối với giai cấp qui tộc càng thêm kịch liệt. Ngoài sự dùng tiền của làm lợi khi tranh đấu, họ còn thể hiện những hoài-bão và yêu cầu của họ thành những quan niệm mới, như quan niệm tự do, quan niệm cá nhân, quan niệm dân chủ, quan niệm kết xã, quan niệm lao động thánh thần, v. v... để làm vũ khí tinh thần. Cơ-đốc-giáo đối với lớp người mới này không phải là một tôn giáo uy hiếp mà biến thành một lý thuyết tự tin mạnh mẽ. Trong các giáo đường bấy giờ xuất hiện những ảnh tượng hình dung con người mạnh mẽ, xinh đẹp, cao ngạo, không khiếp sợ. Cái nhân bản chủ nghĩa về tôn giáo ở thời trung cổ phát triển đến cực điểm trong thế kỷ 13, là một quan niệm giải phóng tinh thần cho thoát những mối sợ hãi đối với vũ trụ và tự nhiên. Sang thế kỷ thứ 14, 15, nó tiến triển thành cái nhân-bản chủ-nghĩa thông tục của thời đại Văn nghệ phục hưng là cái quan niệm giải phóng tinh thần cho khỏi xiềng xích của giáo lý. Cái bối-cảnh xã hội của những sự giải phóng tinh thần ấy là những cuộc vận động giải phóng của giai cấp thị dân, giai cấp tư sản mới nổi lên. Cuộc vận động chính trị của giai cấp ấy thành công sau những cuộc cách mệnh của nước Anh ở thế kỷ thứ 16 và của nước Pháp ở thế kỷ 18. Suốt bốn thế kỷ đến bấy giờ là thời kỳ sáng tạo mạnh mẽ của cái văn hóa tư sản đương nẩy nở, vì bấy giờ nó dùng làm lợi khi tranh đấu cho một lớp người mới để giành lấy ưu thế trong xã hội. Vả lại, sau giai cấp tư

sản thì hết thảy quần chúng nông dân và công nhân, ở thôn quê và thành thị, cũng đều mang một mối hy vọng giải thoát, cho nên văn hóa tư sản bấy giờ không chỉ đại biểu cho sự gắng sức của một số ít người giàu có, mà là đại biểu cho sự gắng sức của toàn thể dân chúng nữa.

Trong buổi đầu, sau khi giai cấp tư sản chiếm thắng lợi, văn hóa tư sản cũng vẫn còn tính chất tiến thủ sáng tạo. Chúng ta thấy những lý tưởng của họ kết tinh thành các chế độ mới. Những điều kiện sinh sản mới, trật-tự, pháp-luật và chính-trị mới, những hình thức xã hội mới, đều là biểu hiện cho những nhu-yếu và yêu-cầu mới của cả loài người đối với hoàn cảnh xã hội bấy giờ.

Nhưng sau khi địa vị thống trị của họ đã củng cố rồi, thì cái văn hóa trẻ trung mạnh mẽ của những kẻ đương ra sức tranh đấu, cái văn hóa tiến thủ, tích cực, hăng hái, say sưa bỗng trở thành cái văn hóa tham tàn bạo ngược, chỉ toan dành cả thế giới làm của riêng một số ít người, chỉ toan dùng những phẩm vật thiên nhiên mà thỏa mãn dục vọng vô biên của kẻ mạnh, chỉ toan dùng những lực lượng vũ trụ cấp cho để áp đảo đại đa số nghèo hèn. Từ đó quan-niệm tự do của văn hóa tư sản chỉ là tự do cạnh tranh và tự do bóc lột, quan niệm bình đẳng chỉ là bình-đẳng giữa những kẻ có tiền, quan niệm bác-ái chỉ là một thứ thuốc trấn-thống để đắp cho dịu bớt những nỗi đau khổ. Văn hóa tư sản ngày nay đã thành già cỗi xấu xa, chỉ biết bảo thủ mà không tiến thủ, chỉ biết hưởng thụ mà không sáng tạo. Đại khái các dân tộc Tây-phương là những dân tộc ngày nay đã đạt đến

trình độ văn-hóa cao nhất trên thế giới, đều đã trải qua con đường tiến triển từ văn-hóa nô-lệ đến văn-hóa tư sản như trên.

Ở Đông phương vì gặp điều kiện khác nên văn-hóa phong kiến kéo dài đến mấy nghìn năm ở Trung-quốc, từ đời Đông-chu cho đến cuối đời Thanh, cho đến ngày nay, di tích của chế-độ phong-kiến cũng còn nhiều ; ở nước Việt-Nam suốt từ thời Bắc-thuộc đến nay, tình trạng không khác gì Trung-quốc — Nhưng gần đây, nhất là từ cuối thế-kỷ 19, Đông-phương tiếp xúc với Tây-phương, văn-hóa tư-sản của Tây phương đã xung đột với văn hóa phong kiến của Đông-phương mà khiến nó phải suy đồ. Ở các xã-hội lạc hậu hơn nữa, như ở Phi-châu, Úc-châu, cùng nhiều miền khác ở Á-châu, văn hóa suốt bao nhiêu đời vẫn còn đình trệ ở giai đoạn thị tộc hay nô-lệ, mãi đến khi tiếp xúc với văn hóa Tây-phương mới bắt đầu thay đổi ít nhiều.

Hiện nay toàn thể các xã hội phong kiến hay thị tộc ở Đông phương và các đại lục khác đều đã bị văn hóa tư-sản của Tây-phương chinh phục. Nó đã biến thế giới thành trường hoạt động của nó. Ở Tây phương thì nó dùng những giá trị cũ pha chế đi cho có vẻ mới mẻ để đè nén và phỉnh phờ dân chúng lao khổ. Ở các nước thực-dân-địa và bán-thực-dân-địa thì có khi nó dùng những giá trị pha chế ấy có khi nó lại lợi dụng những giá-trị văn-hóa phong kiến hay nô-lệ của bản xứ mà lung lạc hoặc đàn áp toàn thể dân tộc bị áp bức.

Bởi tình thế ấy cho nên ngày nay không những chỉ dân chúng Tây phương phản đối văn hóa ấy, mà tất

cả các dân tộc bị áp bức đều liên kết với dân chúng Tây-phương để cùng mưu cuộc giải thoát chung. Họ đương tạo nên một văn hóa mới trong sự tranh đấu kịch liệt với văn hóa tư-sản. Vô luận người ta gọi tên nó là gì, cái đặc tính của văn hóa mới ấy là hăng hái tiến thủ. Do các phần tử dân chúng toàn thế giới tạo ra, nó đương dùng làm lợi khí tranh đấu cho họ để đoạt lấy quyền hưởng dụng văn hóa cho toàn thể loài người.

Xét qua sự tiến triển của văn hóa thì chúng ta thấy rằng từ xưa văn hóa vẫn hoạt động trong những địa vực riêng biệt, cho nên văn hóa mỗi xã hội thường có tính chất riêng của địa phương. Nhưng ở trong một xã hội thì từ khi xã hội phân-hóa thành giai-cấp, chúng ta nhận thấy rằng văn hóa chỉ là cái lợi khi của giai cấp này dùng để trấn áp hoặc phản đối giai cấp khác, tức văn hóa đời nào cũng nhuộm màu giai cấp tranh đấu. Song chúng ta đừng nên tưởng rằng văn hóa đã là lợi khi giai cấp tranh đấu, thì mỗi giai cấp có một văn hóa riêng, tất nhiên mỗi khi một giai cấp mới nổi lên để lật đổ giai cấp trên mà dành lấy địa vị thì văn hóa cũ cũng phải trúc đổ mà nhường chỗ cho văn-hóa mới. Nói rõ hơn, chúng ta đừng nên tưởng rằng khi xã hội nô lệ ở Tây phương tan rã thì bao nhiêu giá trị của văn hóa cổ-đại ở thời Hy-lạp La-mã bị quét sạch-sành-sanh để nhường chỗ cho văn hóa trung cổ lên thế, rồi khi xã hội phong kiến tan rã thì bao nhiêu giá trị của văn hóa trung cổ cũng đều bị quét sạch-sành-sanh để nhường chỗ cho văn hóa tư-sản hiện đại. Sự thực phức tạp hơn thế.

VĂN HÓA LÀ GÌ ?

Chúng ta đã biết rằng văn-hóa nguyên sơ lá lợi khí tranh đấu với tự-nhiên, sau lại bị đem dùng để tranh đấu với người, cho nên trong tác dụng của văn hóa, chúng ta phải phân biệt hai phần : một là phần tranh đấu với hoàn cảnh tự nhiên, hai là phần tranh đấu với hoàn cảnh xã hội. Để tranh đấu với tự nhiên, người ta phải khám phá những điều huyền bí của vũ trụ, phải giải thich những hiện tượng xảy ra ở xung quanh, nghĩa là phải dùng tri huệ mà nhận-thức hoàn cảnh tự nhiên.

Đương khi tri-lực còn kém, người ta thường do tri tưởng tượng bày đặt ra những thần thoại, những truyền kỳ để giải đáp một cách thần bí những câu hỏi oái oăm mà hoàn cảnh tự-nhiên đặt cho người. Những giá trị văn hóa ấy tất nhiên là chỉ có tánh chất tạm thời. Loài người càng hiểu rõ tự nhiên thì những giá trị về loại ấy càng bị đào thải. Song thường các giai-cấp thống trị lại hay dùng thiên phương bách kế làm cho những giá trị sai lầm ấy sống dai mãi mãi để dễ phỉnh lừa dân chúng còn ngu. Nhưng khi người ta đã thấu hiểu được rõ cái cơ nhạm mầu nhiệm của vũ trụ thì nhân đó có thể thắng được những lực lượng tự nhiên mà lợi dụng nó, đó là những sở đắc của loài người về kỹ thuật và khoa-học.

Những sở-đắc ấy tương đối thì có tính chất xác thực hơn, nhưng vì sự hiểu biết của loài người vốn có hạn, cho nên những sở đắc ấy, chỉ tương đương với những chân lý tương đối mà tinh thần của người còn có thể vượt lên. Tuy nhiên trong tạm thời, những sở đắc ấy vẫn là lợi khi chung của

người để trấn áp tự-nhiên, chứ không phải là những lợi khí của một giai cấp dùng riêng để trấn áp giai cấp khác mặc dầu giai cấp thống trị, trong thực tế, vẫn thường lạm dụng những lợi khí ấy để giữ vững địa vị của họ.

Trong phần tranh đấu với người thì chúng ta thấy có những giá-trị của giai-cấp trên chuyên dùng để áp bức bóc lột những giai-cấp dưới. Đến khi giai-cấp trên sụp đổ thì tất nhiên những giá-trị áp bức ấy cũng phải tiêu vong. Một phía khác, chúng ta thấy những giá-trị của một giai cấp mới, — cái giai cấp có sứ mệnh tiếp tục lịch sử dùng để chống đối với giai-cấp trên mà đem xã hội tiến lên giai đoạn khác. Sau khi giai-cấp mới đã chiếm đoạt được địa vị thì phần nhiều những giá trị ấy lại mất hẳn tính chất sáng tạo mà thành bảo thủ tiêu cực, và rốt cuộc đến phải diệt vong. Nhưng trong buổi giai cấp ấy đương còn phải tranh đấu để dành quyền lãnh đạo thì những giá trị họ dùng toàn là những giá trị mạnh mẽ thúc đục sự tiến triển của xã hội, toàn là những giá trị bắt nguồn ở lòng khát khao giải thoát và tiến thủ của toàn thể dân chúng. Đến sau khi họ đem những giá trị ấy mà chế luyện lại, làm cho nó mất hết yếu tố linh hoạt mãnh tiến, thì dân chúng lao khổ vẫn không quên những nỗi mong mỏi khát khao giải thoát, cho nên ta có thể nói rằng khi giai-cấp trên đem những giá trị ấy mà nặn ruột quăng đi, chỉ giữ lấy vỏ không, thì những cái ruột chứa đựng cả phần tinh túy, dân chúng vẫn giữ lấy được. Thế rồi nếu những phần tử mạnh mẽ nhất trong dân chúng họp lại thành một lớp người mới để tranh đoạt địa vị thì những giá trị

kia chính do họ bồi bổ và phát triển để dùng làm vũ khí mà đánh đổ lớp người trên.

Xem như thế thì trong tổng-thể văn hóa, chúng ta nhận thấy rõ rằng có một phần gồm những giá-trị chung của người, đại khái là những sở đắc về kỹ thuật và khoa học biểu hiện cái dục vọng chinh phục tự-nhiên, cùng những lý tưởng, những quan niệm tiến thủ tranh đấu biểu hiện sự yêu cầu giải phóng của con người. Một bộ phận khác là những giá trị của một giai cấp mạnh dùng để trấn áp toàn thể dân chúng mà người ta thường tùy theo chế độ mà gọi là văn hóa nô-lệ, văn-hóa phong-kiến, văn-hóa tư-sản hay tư-bản chủ-nghĩa. Những giá trị ấy nguyên phát sinh trong phạm vi những xã hội riêng, rồi do sự giao thông tiếp xúc của các chủng tộc, các dân tộc, các quốc gia gây nên những cuộc giao-hoan và di-động của văn-hóa, nhiều giá trị phát sinh ở địa phương ngày nay đã thành của chung của thế giới, cho nên những giá trị văn hóa của con người đã thành của loài người, mà giá trị văn hóa riêng của một giai cấp cũng đã thành của chung của những giai cấp tương đương trong các xã-hội khác.

Sau khi đã phân tích văn hóa như thế, chúng ta phải phân biệt trong khái niệm văn-hóa một ý niệm về văn-hóa chung của người và một ý niệm về văn hóa riêng của giai cấp, mà cái văn hóa riêng của giai cấp chẳng qua chỉ là một phần trong văn-hóa chung bị các giai cấp thống trị chế luyện cho hư xấu đi để tiện dùng.

Nếu chúng ta hiểu cái ý niệm văn hóa giai-cấp một cách hẹp hòi thì tưởng rằng tất cả những giá trị văn

hóa do con người trải bao nhiêu kinh-nghiệm và nỗ lực để tạo ra, bây giờ phải bỏ đi tất cả, vì bao nhiêu di-sản ấy bây giờ đã thành cái văn hóa tư-sản vạn ác rồi. Ngày nay dân chúng cần phải sáng tạo một thứ văn-hóa mới, hoàn toàn mới, không dính dáng gì với quá khứ cả. Văn hóa dân chúng sẽ đánh đổ văn-hóa tư-sản mà giải loài người lên cõi hạnh phúc hoàn toàn.

Nhưng, như chúng ta đã biết, văn-hóa không phải chỉ là văn hóa giai cấp mà thôi. Đứng trong phạm vi giai-cấp tranh đấu là cái động lực mạnh nhất của lịch sử, người ta cần đặc biệt chú ý vào tính chất giai cấp của văn-hóa để dùng văn hóa làm một lợi khí tranh đấu. Chúng ta lại có thể nói rằng hiện nay văn-hóa cơ hồ, chỉ lộ ra về giai cấp tranh đấu mà thôi, vì các tính chất nhân loại, các tính chất đại đồng của nó đã bị cái bóng đồ sộ đen nghịt của giai cấp thống trị che lấp cả, chính như cái bóng của giáo đường WESTMINSTER mà Lê-Nin chỉ cho một người đồng chí trẻ tuổi người dắc đi dạo thăm thành phố Lông-đôn. Song nếu chúng ta xét văn hóa trong suốt lịch-sử tiến triển của nó thì chúng ta thấy ở dưới những hiện tượng văn-hóa giai-cấp nổi rõ ra ngoài, lần lượt hiện một, ví như những suối nước lộ ra trên mặt đất, thì ở dưới đất vẫn có cái mạch nước lưu chuyển ngấm ngầm là cái hiện tượng văn hóa chung của người kế tục vĩnh viễn. Theo Các-Mác, (Karl marx) viết trong tập BẢN THẢO VỀ KINH-TẾ-HỌC VÀ TRIẾT-HỌC (Manuscrit d'économie et de philosophie, viết năm 1844, đến 1932 mới xuất bản), thì từ khi xã hội bắt đầu phân hóa, người ta bị sự phân công, tài-sản tư-hữu và kinh-tế tiền tệ biến hóa thành một vật khác hẳn với

bản tính nguyên lai, người ta bị biến thành vật, bị phi-nhân-hóa ; nhưng trong bản tính, trong thiên lương, người ta vẫn có những nhu-yếu và dục-vọng khiến họ không chịu nổi cái tình trạng ấy. Khi họ giác ngộ được mối mâu thuẫn ấy thì họ nổi lên phản kháng cái chế độ xã hội đã quyết định cái thân phận làm vật của họ, họ tự biến thành vai chủ động của lịch sử. Những cuộc phản kháng của loài người để xoay lịch sử mà thoát ra tình trạng vật hóa tức là những cuộc giai cấp tranh đấu. Trong ý kiến của Các-Mác, (Karl Marx) chúng ta nhận thấy rằng mỗi cuộc giai cấp tranh đấu đều là biểu hiện cái nhu yếu và dục vọng chung của người chứ không phải là riêng của một giai cấp. Cho đến ngày nay, cuộc tranh đấu của dân chúng nghèo khổ gồm cả các dân tộc bị áp bức — đối với giai cấp tư sản cũng biểu hiệu những nhu-yếu và dục-vọng của toàn thể dân chúng trong thế giới, của toàn thể loài người, chứ không phải là biểu hiện nhu-yếu và dục-vọng riêng của dân chúng nghèo khổ. Chính cái quang vinh của cuộc giai cấp tranh đấu là ở đó.

Ngày nay dân chúng nghèo khổ toàn thế giới là lớp người trực tiếp bị vật-hóa — bị phi-nhân-hóa, theo lời của Các-Mác (Karl Marx)tức là trực tiếp bị áp bách và bóc lột, cho nên chính họ có sứ mệnh đại biểu cho cái yêu cầu giải thoát của nhân loại. Đối với văn hóa tư sản, họ phải có những giá trị văn hóa tương đương để đối phó, song những giá trị văn hóa của họ không phải là chỉ nhằm vào quyền lợi trực tiếp của dân chúng nghèo khổ, mà chính nhằm vào quyền lợi công-cộng của nhân loại, nghĩa là không những

chỉ có tính chất đặc biệt mà còn có tính chất đại đồng. Dân chúng nghèo khổ trong thế giới ngày nay là phần tử thừa hưởng cái di sản văn hóa của nhân loại, cái di sản gồm những giá trị mà nhân loại xưa nay đã tạo ra để tranh đấu với tự nhiên và để thoát khỏi cái tình trạng vật hóa giữa xã hội. Cái di sản ấy họ không phải nhờ ai trao lại cho, mà phải tranh đấu mới dành lấy được. Cuộc tranh đấu tất nhiên là gay-go khó nhọc nhưng họ dành được phần nào thì, đương sung sức, đương đầy sinh khí để tiến thủ, họ đem hết cả não tủy xương máu mà bồi bổ và phát triển thêm, khiến ta có thể nói rằng họ phục sinh cho văn hóa. Đến khi họ đã đủ sức lật đổ được trật tự hiện tại của xã hội mà giải thoát cho những tầng lớp bị áp bức cuối cùng của loài người thì cái văn hóa do họ phục sinh sẽ không phải dùng để đối phó với người nữa mà chỉ dùng để thực hiện cái vận mệnh quang vinh của nhân-loại.

* * *

Ta xem thế thì văn-hóa ngày nay với cái ý nghĩa tốt đẹp của nó, là kết quả của sự hợp tác của toàn thể nhân loại trên thế giới trải qua các thế hệ, chứ không phải là của một giai cấp nào riêng. Khi Ni-Sơ (Nietzsche) nói rằng : « Kẻ sáng tạo buổi đầu là các dân chúng, rồi mãi về sau mới là cá nhân », là người muốn nói rằng sáng tạo Văn-hóa nguyên sơ là công việc của dân chúng. Nào ai có biết tên tuổi những người phát minh ra lửa, phát minh ra quần áo, nhà cửa ? Nào ai có biết tên tuổi những người đặt ra các thần thoại và truyền kỳ ? Tuy lịch sử Trung-hoa chép

tên Phục-Hy, Thần Nông, là những vị thánh-nhân sáng tạo văn-hóa, nhưng những tên ấy thực ra là tiêu biểu cho toàn thể dân chúng ở một giai đoạn lịch sử chứ không phải là tên người. Về sau, khi người dần dần đã tự giác được nhân cách của mình, thì trong lịch sử mới thấy thỉnh thoảng có tên những người sáng tạo, ví như Thích-Ca, Mặc-Địch, Khổng-Khưu, Gia-Tô, cùng nhiều nhà triết-học, khoa-học và nghệ-thuật. Sang đời trung cổ, trải qua cuộc nhân tâm tự giác ở Tây-phương, thì cái tính của người ta phát triển mạnh thêm, từ đó người ta càng thấy rõ cá nhân dự vào việc sáng tạo văn-hóa. Nhưng thực ra, các cá nhân, dù là thiên tài lỗi lạc, cũng không có thể tự một mình mà sáng tạo gì cả. Chúng tôi đã nói ở trên rằng đến các nhà giáo-chủ lớn trong thế giới cũng chỉ là biểu hiện những hy vọng và mộng tưởng của đại đa số dân chúng. Sự hoát-nhiên đại ngộ của Thích-Ca, sự tri thiên mệnh của Khổng-Khưu, sự thiên khải của Gia-Tô, chỉ là sự giác ngộ do cảm thông với dân chúng mà thành, chứ không phải là cảm thông với Trời, Đất, Thánh Thần gì cả. Các thánh nhân ấy, cũng như các bậc thiên tài khác, chỉ là biểu hiện một cái gì ẩn thầm trong thời đại, một mối hoài niệm tiềm tàng chung của dân chúng đương thời. Trước khi được các bậc thánh nhân thiên tài hoặc là các nhà giáo chủ, hoặc là các nhà tư tưởng, diễn thành hiện tượng tinh thần, thì những giá trị văn-hóa bắt đầu là những mối phản ứng sinh hoạt của dân chúng đã. Vậy thì thánh nhân thiên tài chỉ là kẻ phát ngôn trung thành của thời đại mà thôi.

Đời xưa thì những bậc thánh nhân hay thiên tài thỉnh thoảng do trong đại chúng mà thình lình xuất hiện, nhưng dần dần, với sự phân công một ngày một tinh tế, người ta thấy xuất hiện những người chuyên môn hoạt động bằng tinh thần mà ở Trung-quốc và nước ta thường gọi là kẻ sĩ, ở Tây phương thường gọi là nhà tri-thức : nhà triết học, khoa-học, văn sĩ, thi-sĩ, nghệ-sĩ, v. v. . . Vì văn-hóa vốn là những giá trị do tinh thần sáng tạo ra nên người ta cho rằng hạng người này là hạng chuyên môn hoạt động về văn-hóa. Song, như chúng ta đã thấy, trong lịch sử, trải qua những cuộc giai cấp tranh đấu, người ta thấy văn-hóa thường nhuộm màu giai cấp, cho nên người ta lại cho rằng bọn tri-thức là đại biểu cho giai cấp thống trị để phát triển những giá trị văn-hóa thống trị. Thực ra, nếu phần đông tri-thức là những lợi khí, hay nói cho đúng là những phát ngôn viên của giai cấp thống trị, thì cũng có một số tri thức, tuy là rất ít, không phải là tôi mọi cho bọn thống trị.

Nhưng tại sao lại có sự phân biệt ấy ? Phải tri thức có thành một đoàn-thể hay một giai-cấp riêng không ? Có mối quyền lợi hay quan hệ gì chung ràng buộc họ với nhau không ? Các nhà tri-thức có một điều giống nhau là họ đều làm việc bằng tinh thần, nhưng ngoài điều ấy thì họ bất tất phải là toàn xuất thân tự một giai-cấp, cũng bất tất phải có quyền lợi giống nhau. Nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng một phần rất đông những người tri-thức là do các giai-cấp hữu sản mà ra, người dân nghèo khổ, trừ thỉnh thoảng có một vài người thông-minh và tài hoa lỗi lạc, phải làm ăn khó nhọc, không có cơ hội thuận tiện để

luyện tập tinh thần, cho nên rất khó thành nhà trí-thức. Những kẻ xuất thân ở giai-cấp hữu-sản tự nhiên là bị những quyền lợi của giai-cấp mình chi phối. Một số nữa xuất thân tự các tầng lớp tiểu tư-sản phần nhiều cũng vì những quyền lợi của giai cấp thống-trị hấp dẫn. Vì thế mà phần đông những người trí-thức chuyên môn, có khi là cố ý, có khi là vô tâm, làm những nhà chuyên môn bênh vực quyền lợi của giai-cấp thống-trị. Những ý niệm họ phát biểu và truyền bá, Các-Mác gọi là những « ý-niệm một thời », chính là những ý-niệm của giai-cấp thống-trị, tức Các-Mác, gọi là ý-thức-hệ thống-trị. Hạng tri thức ấy, bị ràng buộc bởi quyền lợi của giai-cấp, bị chi phối bởi hoàn cảnh xã-hội, tất nhiên không thể có được cái tự do của tinh thần như người ta thường tưởng. Họ không thể có tự do để sáng tạo mà chỉ đủ có tài để thừa hưởng và truyền bá mà thôi. HENRI DE MAN cho hạng ấy là hạng trí-thức « tiêu thụ văn-hóa », trái với một số ít trí-thức « sản xuất văn-hóa » là những nhà sáng tạo văn-hóa mà ngày xưa người ta gọi là thánh hiền.

Hạng trí-thức sáng tạo này, vô luận họ xuất thân ở giai-cấp nào dù họ xuất thân ở giai-cấp thống trị, như Thích-Ca, như Khổng-Khưu, như Các-Mác và Ăng-Ghen (Engels), họ cũng không bị xiềng xích của giai-cấp ràng buộc, nên họ không thấy quyền lợi của giai-cấp mà chỉ thấy quyền lợi của con người. Những người này, như chúng ta thấy, chỉ biểu hiệu những cảm tình nguyện vọng âm thầm của dân chúng đương thời, tất sự sáng tạo của họ cũng phải theo điều kiện của xã-hội, thì họ cũng không có thể tuyệt đối tự do được.

Nhưng so với những nhà trí-thức hạng trên, thì hạng trí-thức sáng tạo này tự do nhiều lắm. Cái tự-do của họ là không để cho quyền lợi cá nhân và quyền lợi giai cấp kiềm chế, tự thoát ra ngoài vòng « cương-tỏa » ấy mà nhận được rõ ràng con đường tiến triển của xã-hội, nhận được rõ ràng quyền lợi chung của loài người, vì tinh thần đại đồng của họ nhìn thấy được cả toàn thể của thực-tế. Khổng-Khưu sở dĩ đứng về phe kẻ sĩ, tức là phe tân địa chủ ở đời Xuân-thu ở Trung-quốc là vì bấy giờ nguyện vọng hòa-bình trật-tự của giai-cấp ấy là đại biểu cho nguyện vọng của toàn thể dân Trung-quốc khốn khổ dưới sự tương tranh và dày xéo của bọn quý-tộc chư-hầu. Các-Mác mà thế-giới xem là người lãnh-tụ đầu tiên của dân chúng nghèo khổ không phải chỉ bo bo bênh vực quyền lợi thiển cận của dân chúng nghèo khổ mà chính là bênh vực quyền lợi chung của con người, loài người. Nhưng hiện nay chỉ có dân chúng nghèo khổ là mang nổi cái sứ mệnh giải thoát loài người, cho nên Các-Mác tự nguyện đứng về phe dân chúng nghèo khổ, tức là phe loài người vậy. Ý nghĩa của tự-do là thế. Nhà trí-thức chỉ có thể tự do cách ấy, chứ không tự do như lối Rô-manh Rô-lăng (Romain Rolland) chủ trương trong bài *tuyên ngôn độc lập của tinh-thần.* Tự do độc lập không phải chỉ là chỉ biết phụng sự tinh thần vì chính tinh thần có cái sứ mệnh cao quý gì đâu. Tinh thần có thể vượt lên trên những điều kiện thực tế mà hoạt động, mà phát triển được đâu ! Tự-do độc-lập chỉ là tự mình không để cho tinh thần bận bịu đến những quyền lợi riêng tư và bộ phận để nhìn thấu được cái lợi ích chung, cái lẽ phải của

thời đại, cái lẽ phải do những điều kiện của xã-hội trong thời đại ấy hạn định. Người ta thường so sánh cái tự do của nhà trí-thức với cái tự-do của con tằm — dù thiên hạ không dùng tơ nữa, con tằm vẫn cứ nhả tơ cho đến cùng — để tỏ rằng nhà trí-thức sáng tạo không kể gì đến lợi. Nhưng muốn cho sự so sánh được đầy đủ, chúng ta phải nói thêm rằng con tằm nhả tơ chỉ vì thiên chức của nó là nhả tơ, không cái gì bắt buộc nó, nhưng nó chỉ nhả tơ khi nó được ăn lá dâu, và được sống trong điều kiện thích đáng, chứ nếu bỏ nó ra giữa mưa gió thì nó phải chết, hay nó ăn lá gì khác thì nó chẳng có thể nhả tơ. Cái tự-do của con tằm cũng chỉ là cái tự-do có điều kiện. Nhưng trong cái hạn độ tự do có điều kiện ấy, nhà trí thức nào cũng có thể vượt lên khỏi những quyền lợi cá nhân và giai-cấp mà hành động được. Khi thân thể họ không bị giây xiềng quyền lợi ràng buộc, tâm não họ không bị cái khuôn quyền lợi đúc nặn, mắt họ không bị bức màn quyền lợi che bịt, thì họ có thể nhìn thấu qua được những hiện tượng mà thấy chân tướng của thực tại. Những bực thiên tài, những nhà sáng tạo chân chính, — những nhà tiên-tri tiên giác, — thì thường có thể do một vài tiên-triệu mà kẻ thường không nhận ra, nhưng trực giác hay trí tuệ sáng suốt của họ có thể cảm thấy trước mọi người, mà nhìn rõ được cả đường lối và bề thế biến chuyển đang tới của xã-hội. Những kẻ hậu tri hậu giác thời có thể bằng vào hiện trạng của xã-hội, do sự phân tích hiện trạng ấy rất tinh tế mà nhận thấy phương hướng và điều kiện của cuộc tiến hóa. Nhận rõ được chân tướng của thực tại rồi, thái độ của nhà

tri thức tất là một thái độ phản kháng, phá hoại đối với thực tại, đối với hoàn cảnh xã-hội ; nhận rõ được phương hướng và điều kiện tiến hóa thì hành động cách mệnh kiến-thiết, để mở đường đi tới tương lai. Trong phạm vi chuyên môn của họ, nhà trí thức tất phải là những kẻ hoặc sáng tạo những giá trị mới — sáng tạo nhiều khi chỉ là định giá lại và bồi bổ những giá trị cũ đã do cuộc giai cấp tranh đấu làm hư — để dìu dắc cho nhằm đường cuộc biến chuyển mà họ cảm thấy tiên-triệu, hoặc là — những kẻ hậu tri hậu giác — bồi bổ và phát triển những giá-trị mới ấy để nối theo sự nghiệp mà các bực tiên tri tiên giác đã mở đầu, cùng là truyền bá những giá-trị ấy để cho từ địa bạt tinh thần, có thể hiện vào dân chúng mà trở thành hành động.

Về những cuộc biến chuyển kỹ-thuật và kinh-tế đương diễn ở trước mắt chúng ta, những sự phát minh của các nhà khoa-học tiên tri tiên giác ở thế-kỷ trước đã mang sẵn manh mối, và sau đó nhờ biết bao nhiêu nhà khoa-học hậu tri hậu giác bồi bổ và phát triển mới thành trạng thái ngày nay. Đối với những cuộc biến chuyển của xã-hội mà chúng ta đương mục kích, các nhà xã-hội-học tiên tri tiên giác ở thế-kỷ trước cũng đã nhận trước được xu thế, mà sau đó đã có biết bao nhiêu kẻ hậu tri hậu giác nối gót thực hiện lý-tưởng của người trước sáng tạo ra. Cho đến về nghệ-thuật, trước đây một thế-kỷ, các nhà nghệ-sĩ, tiên tri tiên giác cũng đã biểu hiện được cái khuynh hướng phổ thông của văn-hóa ngày nay là khuynh hướng thế giới nhất trí, khuynh hướng tổng hợp mà dân chúng đương thực hiện một cách

mãnh liệt. Chúng ta có thể nói rằng trách nhiệm của phái trí-thức ngày nay là phải dùng lợi khí chuyên môn của mình để giúp cho những cuộc biến chuyển về mọi phương diện mau đạt đến cái mục đích giải thoát loài người trong cuộc thế giới đại-đồng.

Nhưng vai chủ động của cuộc giải thoát ấy không phải là phái trí-thức mà là dân chúng nghèo khổ. Dân chúng nghèo khổ ngày nay là tầng lớp bị áp bức bóc lột cuối cùng, đương phản kháng hiện trạng xã-hội và ra sức lật đổ trật tự xã-hội cùng với những giá-trị văn-hóa ngụy-trá của giai-cấp thống trị. Họ cốt dành lấy cho mình những giá-trị văn-hóa chân chính của người đã tạo ra, để có thể dùng mà xây dựng hạnh phúc cho loài người. Nhưng chúng ta lại đừng nên tưởng rằng hiện nay dân chúng chỉ cần lật đổ trật tự xã hội, rồi, khi đã lên địa vị chủ nhân ông, dân chúng sẽ cứ ung dung thừa hưởng cái văn-hóa mà giai-cấp thống trị không còn tư chiếm được nữa. Không, dân chúng không có thể chiến đấu bằng tay không, mà chính là phải dùng lợi khí văn-hóa về các phương diện làm vũ khí. Song ở tình trạng khổ sở như đại đa số dân chúng thì dành lấy được ít nhiều những giá-trị văn-hóa đã bị giai-cấp thống trị tư chiếm cũng thực là khó khăn. Phái trí-thức sáng suốt chính là phải giúp dân chúng một phần trong sự đoạt lấy văn-hóa để làm lợi khi tranh đấu.

Cái văn-hóa mà dân chúng nghèo khổ đương tranh đoạt đó là gồm cả những sở đắc tích cực của bao nhiêu thế hệ trải qua bao nhiêu gắng sức và hy sinh trong sự tranh đấu với tự-nhiên và xã-hội.

VĂN-HÓA MỚI CHỈ CÒN TRANH ĐẤU VỚI TRỜI.— Người ta thường nói thế giới ngày nay là thế giới khoa-học, văn-hóa ngày nay là văn-hóa khoa-học, nghĩa là trong thế giới hiện tại, những sự hoạt động to lớn của loài người đều diễn-hành ở trên cơ sở khoa-học. Về phương diện kỹ-thuật và kinh-tế thì bao nhiêu sự nghiệp vĩ đại đều là do sự ứng dụng khoa-học mà thành. Trong sự tranh đoạt quyền lợi, người ta cũng ứng dụng khoa-học một cách triệt để. Về phương diện học-thuật thì không những các tự-nhiên khoa-học, mà cho đến các xã-hội khoa-học, nhân-loại khoa-học, khoa nào cũng lấy sự ứng dụng phương-pháp khoa-học mà tự hào. Triết-học ngày nay cũng có khuynh hướng thành một khoa-học tổng hợp. Cho đến trong văn-chương và nghệ-thuật, người ta cũng thấy rất nhiều ảnh hưởng của tinh thần khoa-học.

Nhưng vốn là lợi khí của người để thống trị tự nhiên, khoa-học lại bị giai-cấp tư-sản dùng làm lợi khí riêng để thống trị dân chúng. Trong văn-hóa của xã-hội giai-cấp nầy, tinh thần khoa-học không thể phát triển triệt để được. Dân chúng nghèo khổ trong cuộc tranh đấu để đành lấy chủ quyền, chính là cốt đành lấy quyền văn-hóa để khôi phục địa vị và công dụng chân chính của khoa-học. Bởi vậy chúng ta có thể nói rằng văn-hóa mới mà dân chúng đương sáng tạo là văn-hóa chân chính khoa-học, hoàn toàn khoa-học.

Văn-hóa là của chung của dân chúng. Nhưng ở trong xã-hội tư hữu tài sản và giai-cấp tranh đấu, văn-hóa đã bị chiếm làm của cá-nhân và giai-cấp. Ngày

nay dân chúng vận động để dành lấy quyền văn-hóa tức là để đem văn-hóa làm tài sản chung. Ở trong xã hội mới do dân chúng xây dựng, văn-hóa sẽ không bị ai tư chiếm được. Văn-hóa do dân chúng chủ trương ấy sẽ chú trọng đặc biệt về sự thỏa mãn nhu-yếu và yêu-cầu của đại đa số dân chúng là phần tử xưa nay vẫn bị hy sinh, cho nên đặc tính của nó là xã-hội và dân chúng. Tuy nhiên chúng ta đừng tưởng rằng trong văn-hóa dân-chúng-hóa và xã-hội-hóa, cá-nhân sẽ bị hy sinh. Không, khi văn-hóa đã thành của chung của xã-hội, thì không cá-nhân nào, không giai-cấp nào có thể đứng riêng mà đè nén bóc lột người khác, thế thì người nào cũng có đủ điều kiện để tự phát triển. Cá-nhân sẽ không gặp những trở ngại do cá-nhân khác mà có thể phát triển rất tự do và đầy đủ, ở trong hoàn-cảnh xã-hội rất thuận tiện.

Chúng ta đã biết rằng xưa nay văn hóa hoạt động trong những xã-hội riêng và địa-phương riêng, từ những đoàn thể đầu tiên là những hỗn-quần đến những thị-tộc, những gia-tộc, những dân tộc. Thế giới ngày nay đại khái gồm các dân-tộc làm đơn vị. Vì sự sinh hoạt riêng biệt, nên văn-hóa của mỗi dân-tộc có những tính chất riêng. Nhưng với sự ứng dụng khoa-học, sự lợi dụng máy in, hơi nước, điện khí, cùng các lợi khí giao thông khác, các dân-tộc trên thế-giới đã liên lạc mật thiết thành một đoàn. Tổ-chức chính-trị cũng vượt qua biên giới dân-tộc mà thành những tổ-chức liên-bang, đế-quốc, hoặc quốc-tế liên-minh. Tổ-chức lao-động đã thành một đoàn thể bao trùm toàn thế-giới. Về kinh-tế, tài-chính, tư-tưởng, xã-hội cùng tất cả các phương diện văn-hóa,

loài người đã vượt qua thời đại địa phương mà đến thời đại thế-giới, cho nên văn-hóa mới lại có một đặc tính nữa là thế-giới hóa. Nhưng cơ sở của tổ-chức thế giới ngày nay vẫn là dân tộc, cũng như cơ sở của tổ-chức xã-hội là cá-nhân. Chúng ta đã biết rằng trong phạm vi xã-hội-hóa, cá-nhân sẽ được tự do phát triển ; trong phạm vi thế-giới-hóa, không còn có dân-tộc này áp bức dân-tộc khác, thì các dân-tộc cũng sẽ được phát triển tự do. Trong phạm vi xã-hội, mỗi cá-nhân phải tự phát triển hoàn toàn để đem tư cách và khả năng phong phú của mình mà góp vào kho văn-hóa của loài người. Vậy thì, xét chung cả nhân-loại, văn-hóa mới lại là dân-tộc-hóa.

Với văn-hóa mới mà chúng tôi vừa kể qua những đặc tính chủ yếu, loài người hoàn toàn làm chủ nhân ông trên mặt đất, không bị tự nhiên áp bức, không bị người khác dày vò, sẽ có thể dùng triệt để khoa-học để đầy đủ đời sống vật chất và phát triển đời sống tinh thần cho hết khả năng, để xây đắp hạnh phúc cho toàn thể. Song cái dục vọng phát triển của loài người là vô cùng thì cái thế tiến triển của văn-hóa cũng không bao giờ ngừng được. Bởi thế loài người không còn phải tranh đấu với đất, không còn phải tranh đấu với người, mà vẫn còn dùng năng lực để tranh đấu với cả vũ-trụ để dồn lùi đến cùng cái sức trở ngại của vật chất, khiến văn-hóa chỉ còn phát-triển về tinh thần. Cái hy-vọng chinh-phục không-gian người ta mới thực hiện được một phần ; người ta còn muốn đi lại được với các hành-tinh nữa. Người ta còn muốn không những chỉ dùng ánh sáng mặt trời, mà còn dùng cả ánh sáng của tinh-tú và xạ-

tuyến vũ-trụ đầy dẫy trong vũ-trụ bao la. ***Xu hướng của văn-hóa mới là tranh đấu với trời vậy.*** Cũng như Tôn-Ngộ-Không trong hòn đá nứt ra mà trải bao công phu tu luyện, kết cục đã đánh được cả Trời, tinh thần của người cũng chỉ nẩy mầm trong vật chất vô linh, mà đã lần lượt chiến thắng được bao nhiêu lực lượng trở ngại trong tự nhiên và trong xã-hội, bây giờ chỉ còn tranh đấu với vũ trụ để đoạt lấy tự do hoàn toàn. Đó là quang vinh của loài người, là quang vinh của văn-hóa vậy.

III

Bàn lại về quan niệm văn hóa

(Văn-hóa — Văn-minh — Ý-thức-hệ — Sáng-hóa — Giáo-hóa)

NHÂN các cuộc hội họp, tôi nhận thấy rằng chúng ta cần phải trở lại vấn đề định nghĩa chữ văn-hóa một lần nữa để bàn thêm ít nhiều chi tiết mà ở hai đoạn trước tôi bàn chưa được kỹ càng.

VẤN ĐỀ DÙNG CHỮ. — Trước hết tôi xin chỉ rõ nguyên ủy chữ « Văn-hóa ». Ai cũng biết chữ Văn-hóa chúng ta mượn của người Trung hoa. Họ dùng chữ ấy để dịch hai danh từ thông dụng trong tiếng Pháp là Culture và Civilisation, hay trong tiếng Anh là Gulture và Civilization, tương đương với chữ Kultur của tiếng Đức. Muốn tìm nghĩa chữ văn-hóa, trước hết chúng ta phải tìm nghĩa mấy chữ tây đã.

Chúng ta hãy bắt đầu tìm nghĩa chữ *Civilisation.* Sách từ-điển của người Pháp mới nhất là sách ***Larousse du XX**e siècle* giải nghĩa rằng :

« Theo nghĩa rộng nhất thì chữ civilisation chỉ một tổng-thể phức hợp tương đương với những ý-niệm và

những tập quán của người ta sống trong xã-hội. . . . Có bao nhiêu đoàn-thể có tổ-chức là có bấy nhiêu civilisations, mà nguồn gốc của civilisation tức là nguồn gốc của xã-hội. . . Trái với les civilisations (số nhiều) thì có la civilisation (số ít) — đây là nghĩa hẹp — trái với một trạng thái xã-hội nào, thì có một trạng thái nhất định nào b.ểu hiện những đặc tính theo một trình độ lần lần tiến hóa cao hơn. . . ».

Chữ Civilization trong tiếng Anh cũng đồng nghĩa với chữ Civilisation trong tiếng Pháp, cũng có r ghĩa rộng và nghĩa hẹp, tương đương với chữ Kultur trong tiếng Đức.

Chữ Civilisation và Civilization người Pháp và người Anh thường hay dùng theo nghĩa rộng, vi như chữ civilisation trong các bài và các sách của F. Sartiaux (1) Nhưng về nghĩa ấy thì hai chữ ấy lại thường thông dụng với chữ culture, nhất là ở trong tiếng Anh. Thí dụ để chỉ cái phương-thức sinh hoạt của người thái-cổ ở thời kỳ đồ đá cũ và thời kỳ đồ đá mới, chúng ta thấy trong các sách về tiền-sử-học bằng chữ Pháp, và chữ Anh, người ta nói civilisation paléolithique và civili ation néolithique, hay culture paléolithique và culture néolithique, không phân biệt ; để chỉ phương-thức sinh hoạt ở trong các giai đoạn ngắn hơn gồm trong mỗi thời kỳ, người ta cũng nói, vi dụ, civilisation chéléenne, civ.lisation aurignacienne hay culture chéléenne, culture aurignacienne — Trong sách chữ Anh cũng thế.

---

(1) La *Civilisation*, nhà Armand Colin xuất bản, Qu'est-ce que la civilisation, trong tạp chí « La civilisation nouvelle », số 1-1938.

Nhưng ngoài cái nghĩa thông dụng với chữ Civilisation, chữ culture trong tiếng Pháp và tiếng Anh lại còn dùng theo nghĩa hẹp hơn, theo nghĩa instruction, éducation, formation (xem Larousse du XX^e siècle, ở mục Culture). Ví dụ để chỉ sự giáo hóa thanh niên, người ta nói culture de la jeunesse ; để chỉ sự đào luyện tinh thần, người ta nói culture de l'esprit ; để chỉ sự đào luyện tinh thần bằng văn học hay khoa-học, người ta nói culture littéraire, culture scientifique – trong tiếng Anh cũng thế.

Chúng ta nên nhận rằng trong tiếng Pháp và tiếng Anh chữ ***culture chính hay dùng về nghĩa hẹp này*** để chỉ cái lịch trình giáo hóa cá-nhân, mà chữ civilisation và civilization thì chỉ cái lịch trình sáng tạo và tiến triển văn-hóa của xã-hội.

Chữ civilisation và chữ culture trong tiếng Pháp ***theo nghĩa rộng*** cũng như chữ civilization và culture trong tiếng Anh – là tương đương với chữ 文化 của người Tàu. Ví dụ những chữ la culture lithique, la culture du bronze, hay la civilisation lithique, la civilisation du bronze, chữ bán dịch là 石器的文化 và 銅器的文化. Sách La civilisation chinoise của người Pháp là Granel, chữ bán dịch là 中國的文化; sách Culture matérielle của người Nga là Zamiatnine, chữ hán dịch là 物質的文化; sách Man and culture của người Anh là Clark Wiss'er, chữ bán dịch là 人類與文化.

Chữ civilisation và civilization theo nghĩa hẹp thì tương đương với chữ 文明 của người Tàu. Ví dụ Civilisation et barbarie thì chữ bán dịch là 文明與野蠻 ; Civilisation scientifique, chữ bán dịch là

科學的文明; sách Histoire de la civilisation en Europe của Guizot chữ hán dịch là 歐洲文明史; Sách History of civilization in England, chữ hán dịch là 英國文明史.

Còn chữ culture theo nghĩa hẹp cùng chữ cultiver, cultivé, thì người Tàu tùy theo từng « ca » mà dịch là giáo hóa 教化, đào luyện 陶鍊 v. v... Ở đây chúng ta hãy nói riêng về nghĩa rộng của các chữ civilisation (hay civilization) và culture mà người Tàu dịch là 文化 và nghĩa hẹp của chữ civilisation (và civilization) mà người Tàu dịch là 文明.

Hiện nay chúng ta dùng hai chữ ***văn hóa*** và ***văn minh*** là mượn chữ của người Tàu thì tất chúng ta phải theo nghĩa của người Tàu đã định trong một phần nào.

Theo sách Từ-Hải 辭海 là sách từ-điển có giá trị và mới nhất của người Tàu, thì văn hóa 文化 theo ý nghĩa mới là cái « thành tích của sự gắng-sức của loài người do dã-man mà đến văn minh, thành tích ấy biểu hiện ở các phương diện là khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, đạo đức, pháp luật, phong tục, tập quán. Tổng thể của các cái ấy gọi là văn hóa (culture) ».

Chữ văn minh, 文明, theo ý nghĩa mới, thì sách ấy giải thích là « trạng thái khai hóa của xã hội loài người; dùng làm hình dung từ thì chữ ấy đối đãi với chữ dã man (civilisation) ».

Theo sự dùng thông thường lâu nay của chúng ta thì thấy những chữ văn hóa và văn minh cũng không khác gì nghĩa những chữ 文化 và 文明 ấy.

Vậy thì chữ *văn hóa* tôi bàn ở mục sau này là theo ý nghĩa thường dùng của ta, hợp với ý nghĩa của chữ 文 化 nghĩa này giải thích trong sách Từ-Hải, tương đương với chữ civilisation (hay civilization) và chữ culture theo nghĩa rộng, mà chữ *văn minh* cũng là theo ý nghĩa của chữ 文 明 nghĩa này giải thích trong sách Từ Hải, tương đương với chữ civilisation (hay civilization) nghĩa hẹp. Còn chữ culture chỉ cái tích trình giáo hóa cá nhân thì chúng ta chưa bàn đến.

VĂN HÓA VỚI VĂN MINH (1) — Đem so sánh ý nghĩa của chữ văn hóa và chữ văn minh theo cách giải thích của sách Từ-Hải dẫn ở trên thì chúng ta thấy chữ văn hóa là chỉ chung cái thành tích của sự gắng sức của người ta để đi từ trạng thái dã man mà lên trạng thái văn minh, mà chữ văn minh thì chỉ

---

(1) Ở đây tôi chỉ theo hàm nghĩa hiện tại của chữ văn hóa, văn minh, culture, civilisation, mà giải thích, chứ không để ý đến ngữ nguyên của những chữ ấy, vì có nhiều chữ từ khi mới sinh ra đến ngày nay đã trải qua nhiều lần biến nghĩa theo sự biến chuyển của sự vật, cho nên có khi nghĩa ngày nay không còn quan hệ gì với ngữ nguyên nữa. Song cũng có nhiều lúc những cuộc biến nghĩa không thể xóa mất hẳn quan hệ giữa nghĩa mới với ngữ nguyên, ví như «ca» những chữ ta bàn đây. Chúng ta thử xét ngữ nguyên mấy chữ ấy để so sánh với nghĩa hiện tại, tưởng cũng có thú vị.

Chữ *Culture*, gốc ở chữ la-tinh la cultura, nghĩa là trồng trọt, cày cấy. Một đám đất hoang được người ta trồng trọt, tức là được người ta gia nhân công vào mà thành đám đất có ích lợi cho nhân sinh, cũng như con người đương ở trong trạng thái tự nhiên như động vật, được văn hóa

một trạng thái sinh hoạt khá cao của xã-hội loài người đã khai hóa. . . Cách giải thích ấy đại để cũng hợp với cách giải thích chữ civilisation nghĩa rộng và chữ vivilisation nghĩa hẹp của sách Larousse du XXe siècle mà tôi đã dẫn ở trên.

Nhà xã-hội-học nước Mỹ tên là L. H. Morgan chia lịch sử loài người làm ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, người ta mới thoát ly tình trạng động vật, nhưng sinh hoạt còn thấp thỏi lắm, chỉ nhờ vào công cụ thô sơ mà

---

do nhân công sáng tạo đổi thành người trong nhân quần. Nghĩa chữ culture về phương diện cá nhân cũng hợp với ngữ nguyên như thế.

Chữ *Civilisation* là gốc ở chữ la tinh civilis, civilitas chỉ cái trạng thai sinh hoạt, văn vẻ, ưu nhã của người thị dân, trai với cảnh sinh hoạt mộc mạc thô kịch của người nhà quê, cũng gần với nghĩa chữ civilisation ngày nay chỉ trạng thai sinh hoạt của những dân tộc khai hóa trái với trạng thái sinh hoạt chất phác thô bạo của những dân tộc mọi rợ. Về sau chữ civilisation nhân sự tiến hóa của xã-hội mà vơ luôn vao cho mình tất cả những giá-trị tinh thần, rồi lần lần đến cả các giá trị vật chất đã gây nên cái trạng thai sinh hoạt văn vẻ ấy rồi sự tiến bộ của học thuật và khoa học cũng như kinh tế đã cho người ta nhận thấy rằng những dân tộc lạc hậu nhất cũng có một hình thức civilisation. Vì thế mà người ta lại dùng chữ civilisation theo nghĩa rộng như chữ culture ở trên.

Chữ 文化 theo nghĩa đen là hóa thành văn vẻ, cho khỏi chất phác, cũng như dùng nhân công mà hóa cho người thoát khỏi trạng thái tự nhiên, tức hợp với ý nghĩa mới của chữ ấy.

Chữ 文 là cái trạng thái sáng sủa của văn, của những sự nghiệp nhân vi, tức của văn hóa, tức hợp với ý nghĩa của chữ ấy là một trạng thái khá cao của văn hóa.

lượm hái, săn bắn và đánh cá, tức là giai đoạn nông-muội hay nguyên thủy (sauvagerie); giai đoạn thứ hai, người ta đã biết chế tạo công cụ, đã biết canh nông, giao dịch, biết dệt vải, chế đồ gốm, đồ đồng, v. v. . . tức là giai đoạn dã man (barbarie); giai đoạn thứ ba, người ta đã có tổ chức công thương nghiệp, đã biết chế tạo máy móc, đã có thành thị và tổ chức quốc gia, tức là giai đoạn văn minh (civilisation). Sự chia lịch sử loài người làm ba giai đoạn như thế hiện nay nhiều nhà xã hội học, nhất là các nhà về khuynh hướng duy vật biện chứng, cũng dùng theo. Một nhà giáo sư người Mỹ có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa là Scott Nearing, trong sách Whatt is civilization going? (Văn minh sẽ đi tới đâu?), cũng theo lối phân đoạn của L. H. Morgan, cho rằng thời đại văn minh của loài người là bắt đầu ở thời đại người Ba-by-lôn xưa, người Ai cập xưa, người Trung-hoa xưa và người Hy-lạp ở đời Solon. Người Âu-châu từ thế kỷ 18 về sau thuộc về cao kỳ của thời đại văn minh.

Theo cái quan niệm về lịch sử loài người như thế thì chữ văn minh chỉ dùng để chỉ giai đoạn tiến bộ khá cao, khai hóa khá rộng của loài người, là một giai đoạn tương đối còn mới mẻ ngắn ngủi lắm. Biết bao nhiêu vạn năm loài người sống trong hai giai đoạn nguyên thủy và dã man chưa biết gì đến văn minh!

Nhưng trong hai giai đoạn ấy, loài người đã có văn hóa chưa? Theo các tác giả sách Larousse du XX^e siècle, thì hễ có người sinh hoạt thành tập đoàn tổ chức thì có văn hóa. Ngay ở đầu giai đoạn nông muội, người ta cũng đã sống thành tập đoàn có tổ

chức thô sơ. Chúng ta có thể nói rằng ngay từ khi loài người thoát khỏi tình trạng động vật mà thành người là đã sống thành tập đoàn, là đã có văn hóa. Cái câu giải thích của chữ 文化 của sách Từ-Hải, chúng ta nên thêm vào mà nói rằng văn hóa là cái thành tích của sự gắng sức của loài người để do dã man mà đến văn minh, hay đúng hơn là để do thân phận con vật mà tiến lên thân phận con người.

Trong bài « lai lịch của văn hóa », tôi đã nói rõ rằng văn hóa là cái nhờ đó mà loài người khác với động vật, ở đây bất tất phải nói lại cho nhàm. Vậy chúng ta có thể nói hẳn rằng hễ là loài người thì có văn hóa ; ở thời đại nông muội có văn hóa nông muội, ở thời đại dã man có văn hóa dã man, ở thời đại văn minh có văn hóa văn minh, ở Đông phương, có văn hóa Đông phương, ở Tây phương có văn hóa Tây phương, ở Úc châu có văn hóa Úc châu, chỉ khác nhau là văn hóa ở thời này, chỗ này thì thấp, ở thời khác, chỗ khác thì cao. Ở trình độ văn hóa thấp thì người ta còn là nông muội hay dã man, đến khi văn hóa đạt được trình độ khá cao thì người ta mới có thể gọi là văn minh được.

Nói tóm lại, văn hóa là gồm tất cả những sáng tạo kiến thiết của loài người ở trong xã hội, tất cả những cái gì là không phải tự nhiên, là phi tự nhiên. Nhưng ở trong phạm vi cái phi tự nhiên ấy, ở trong lịch trình hoạt động của loài người từ buổi đầu đến nay, hay nói khác đi, ở trong lịch-trình phát-triển của văn hóa, mãi đến sáu bảy nghìn năm gần đây mới có đôi ba dân tộc vượt lên khỏi trình độ thấp thỏi mà đến trình độ văn minh, còn trong khoảng bao

nhiêu vạn năm về trước toàn thể loài người vẫn ở những trình độ văn hóa thấp thỏi mà người ta gọi là nông muội hay dã-man. Đến mãi ngày nay, một phần đông các dân tộc ở châu Phi, châu Úc, cả châu Á, cũng vẫn chưa thoát khỏi trạng thái dã man, chỉ có những người da trắng và người da vàng là đã đến trạng thái văn minh thôi. Vậy thời chúng ta có thể nói rằng ở trong phạm vi vũ-trụ, văn-hóa với tự-nhiên là hai cái đối đãi nhau, mà ở trong phạm vi văn hóa thì văn minh với dã man (hay nông muội) là hai cái đối đãi nhau.

VĂN HÓA VỚI Ý-THỨC-HỆ. — Ở đoạn trên tôi chỉ cốt-chỉ rõ chỗ khác nhau của văn hóa và văn minh. Bây giờ chúng ta hãy đi sâu thêm vào khái niệm văn hóa để tìm chỗ nó khác với khái niệm ý-thức-hệ. Chúng ta đã biết rằng văn hóa là những giá trị do tinh thần loài người nhờ sự làm việc trong xã hội mà sáng tạo ra. Những giá trị vật chất gồm thành văn hóa vật chất. Những giá trị tinh thần gồm thành văn hóa tinh thần.

Giá trị vật chất là những cái gì? Chúng ta nên biết rằng nhờ có giá-trị văn hóa mà người ta mới lợi dụng được những vật chất và lực lượng có sẵn trong tự nhiên để chế tạo những phẩm vật cần dùng cho sự bảo trì và phát triển sinh mệnh. Những sản phẩm văn hóa đầu tiên có lẽ là cái dùi bằng gỗ và cái búa bằng đá rất thô sơ. Những sản phẩm vật chất ấy, có phải là văn-hóa không? Muốn trả lời câu hỏi ấy, chúng ta cần nhớ lại rằng văn hóa là một cái gì do tinh thần sáng tạo ra. Chúng ta có thể nói rằng những sản phẩm ấy là do sáng tạo mà thành được

không? Muốn trả lời câu ấy chúng ta lại cần phải phân tích cho rành riệt những yếu tố bao hàm trong mỗi phẩm vật.

Trong mỗi phẩm vật ấy, chúng ta phải phân biệt hai phần : một là những vật chất đã có sẵn trong tự-nhiên, như cái khúc gỗ, cái cục đá ; hai là cái kiểu dùi kiểu búa, cái cách làm thành cái dùi cái búa, cùng cái công dụng của nó, cái kiểu cái cách và công dụng ấy là do tinh thần của người tạo ra. Chúng ta có thể tưởng tượng lịch trình sơ sinh của một phẩm vật, ví dụ cái búa bằng đá, như thế này : Người ta thấy trong tự nhiên có hòn đá cứng có khía sắc. Xui dục bởi một cái nhu yếu bức thiết, trí não của người ta nghĩ đến sự lợi dụng cục đá ấy để làm việc cần ; ngay ở đây chúng ta đã thấy trí não sáng tạo ra được cái công dụng của hòn đá. Nhưng hòn đá để nguyên như vậy dùng không tiện, người ta bèn nghĩ ra cách đẽo hay trau nó cho thành một cái hình tiện lợi, cái hình, cái kiểu ấy cũng là do trí não nghĩ ra ; chúng ta thấy trí não đã sáng tạo ra cái kiểu đồ và cái cách làm đồ. Những vật chất có sẵn trong tự-nhiên mà hóa thành những phẩm vật có ích cho người là nhờ cái kiểu, cái cách làm và cái công dụng do người sáng tạo ra mà gia vào các vật chất.

Chúng ta nhận thấy rằng tự-thân các phẩm vật không phải là văn-hóa mà chỉ cái kiểu, cái cách làm và cái công dụng của nó, tức là những giá trị được sáng tạo, mới là văn-hóa.

Từ cái dùi gỗ, cái búa đá suy ra đến cái cuốc, cái cày, cái giáo, cái gươm, cái cung, cái súng, cho đến cái máy hơi nước, cái máy điện, cái máy vô tuyến

điện, chúng ta đều có thể phân tích mỗi phẩm vật thành hai phần mà nói rằng mỗi cái là nhờ kỹ-thuật do tinh thần người ta sáng tạo ra vào vật chất mộc mạc của tự-nhiên mà thành. Những hình thức kỹ-thuật biến chuyển đắp đổi từ xưa đến nay là những giá-trị vật chất của người ta đã lần lượt sáng tạo ra để tăng thêm sức của mình mà mưu chinh phục tự-nhiên càng ngày càng đắc lực.

Xét một phương diện khác, chúng ta có thể tự hỏi : người ta chinh phục tự-nhiên để làm gì ? Trước hết là để có thể lợi dụng những của cải trong tự-nhiên để làm thỏa mãn những nhu cầu vật chất của mình, tức là để sống. Người ta làm cái dùi gỗ, cái búa đá là để dùng mà kiếm đồ ăn. Để giải quyết vấn đề ăn, người ta phải chế ra công cụ đủ thứ, giáo mác, cung nỏ, lưới, rọ, cày bừa, v. v. . - Buổi đầu người ta chỉ dùng cái dùi để chọc trái cây hay đào rễ cây, tức là hình thái kinh-tế lượm hái. Sau người ta dùng búa đá, mác đá, cung nỏ bằng gỗ, bằng tre để săn bắn, hay dùng mũi đọc, lưỡi câu hoặc lưới để đánh cá, tức là kinh-tế săn bắn và chài lưới. Sau nữa, người ta tạo ra được cách chăn nuôi, cách trồng trọt để cho sự cung cấp đồ ăn được thường xuyên. Khi sự sản xuất đã khá thịnh, người ta lại bày ra cách đổi chác, rồi dần dần bày ra tiền tệ, và cách họp chợ để mua bán. Cách canh nông bằng cuốc đá ở buổi đầu lần lần tiến lên đến cách canh nông bằng cày bừa, cho đến canh nông cơ khí hóa ngày nay ; thương mãi thì từ cách đổi chác vật phẩm lần lần tiến lên cách mua bán bằng tiền bạc, rồi đến cách dùng ngân hàng, dùng tin phiếu, lập công ty, lập độc quyền như ngày

nay. Về sự chế tạo phẩm vật thì người ta đã đi từ cách làm việc do mỗi người dùng sức tay chân một mình, cho đến cách sản xuất đại qui-mô theo phương pháp hợp-lý-hóa. Khi nào cũng chỉ có bấy nhiêu vật chất, mà người ta đã tạo ra kỹ-thuật để biến hóa những vật chất ấy thành các đồ đạc và máy móc, người ta lại tạo cả những phương pháp thích đáng để xử dụng những đồ đạc và máy móc ấy để biến hóa những vật chất ấy thành những phẩm vật cần dùng cho sự sinh hoạt vật chất. Những hình thái kinh tế cũng như những hình thái kỹ-thuật ấy là những giá trị vật chất, gọi chung bằng ***văn-hóa vật chất.***

Bây giờ chúng ta thử xem những giá-trị tinh thần là thế nào? Trong cái dùi và cái búa chúng ta nói đến ở trên, chúng ta đã thấy có những yếu tố thuộc về kỹ thuật là những giá-trị vật chất. Nhưng nếu trong khi một người thái-cổ nào đẽo một cái dùi, mài một cái búa, ngoài cái mục-đích tạo thành một cái đồ tiện dụng, lại có thêm cái ý muốn đẽo cái dùi cho trơn lẵn, mài cái búa cho láng bóng, hay theo một cái hình, cái kiểu nhẹ nhàng thanh thoát để nhìn cho đẹp mắt, thế là những đồ thô sơ ấy đã có chứa một chút nghệ-thuật là một thứ giá-trị tinh thần rồi. Ngoài ra, từ cái hình động vật vẽ trên vách đá các hang động cho đến những bức họa của Vương-Duy hay của Raphaël, từ những hình chạm vụng về trên miếng xương hay miếng đá của người Thái-cổ, cho đến những công trình điêu khắc vĩ đại ở đền Đế-thiên Đế-thích, đó đều là những sản phẩm về nghệ-thuật mang theo những giá-trị tinh thần người ta tạo ra để làm cho đời sống được dịu dàng tươi đẹp hơn.

Chúng ta đã biết rằng người ta tạo ra kỹ-thuật để dùng làm lợi khí chinh phục tự-nhiên. Trong cuộc tranh đấu với tự-nhiên ấy, người ta gặp nhiều hiện tượng lạ lùng khó hiểu. Trong sự tìm hiểu sự vật, người ta đã tạo ra những thần-thoại, những ma-thuật, cùng các thứ tôn-giáo ; khi trí tuệ của người ta đã phát triển đến trình độ cao, người ta lại tạo ra triết-học, khoa-học để tìm hiểu sự vật một cách chắc chắn hơn, ngõ hầu có thể khám phá được những huyền bí của tự-nhiên mà bắt tự-nhiên hàng phục. Trong sự hoạt động kinh-tế và trong cuộc sinh hoạt xã-hội, người ta đã tạo ra những tục-lệ, pháp-luật, chế-độ, lễ-nghi, đạo-đức để cho sự sinh hoạt càng ngày càng có qui củ, có trật tự, có tổ chức hơn. Bao nhiêu những giá-trị về nghệ-thuật tôn-giáo, triết-học, khoa-học, văn-học, tục-lệ, pháp-luật, chế-độ, lễ nghi, đạo-đức là những giá-trị tinh thần, gọi chung bằng *văn-hóa tinh thần.*

Thực ra thì sự phân biệt văn-hóa vật chất và văn-hóa tinh thần rất là miễn cưỡng, vì chính cái giới hạn giữa vật chất và tinh thần vốn là một giới hạn rất lờ mờ. Lại có những cái, như ngôn-ngữ, văn-tự là giá-trị văn-hóa mà chúng ta không thể đặt hẳn nó về phần vật chất hay phần tinh thần. Trong ngôn-ngữ có phần thanh-âm, trong văn-tự có phần tự-hoạch vốn là vật chất, nhưng lại cũng có ngữ pháp thì mới thành ngôn-ngữ, có văn-pháp thì mới thành văn-tự, mà ngữ-pháp và văn-pháp thì lại là những cái thuộc về tinh thần. Nhưng dẫu sự phân biệt là miễn cưỡng mà chúng ta cũng phải phân biệt để cho sự thảo luận được rõ ràng. Đã không tránh được,

chúng ta phải tìm một cái tiêu chuẩn cho sự tạm phân biệt giá-trị vật chất và giá-trị tinh thần ấy có căn-cứ.

Chúng ta đã biết rằng phàm giá-trị văn-hóa đều là sản phẩm của tinh thần tức là có tính chất tinh thần cả. Song có những giá-trị người ta tạo ra là nhằm vào một ***cái mục-đích vật chất***, ví như các thứ kỹ-thuật, các phương-thức hoạt động kinh tế là cốt để thỏa mãn những nhu yếu vật chất trước đã, dẫu cũng có khi nó có thể thỏa mãn nhu yếu tinh thần, nhưng đó chỉ là kết quả gián-tiếp hoặc hậu-thiên. Những giá-trị ấy chúng ta gọi chung nó là giá-trị vật-chất, gồm thành phần văn-hóa vật chất. Trái lại, những giá-trị như nghệ-thuật, văn-chương, tôn-giáo, triết-học, khoa-học, tục-lệ, pháp-luật, chế-độ, v. v. . . là những cái người ta tạo ra cốt để ***thỏa mãn những nhu yếu tinh-cảm, tri-thức hoặc xã-hội***, dẫu cũng có khi nó có thể thỏa mãn được những yêu cầu vật chất, nhưng đó cũng chỉ là kết quả gián tiếp hay hậu thiên. Những giá-trị ấy, chúng ta gọi chung nó là giá-trị tinh thần, gồm thành phần văn-hóa tinh thần.

Bây giờ chúng ta hãy đem đối chiếu sự phân tích văn-hóa đó với cách định nghĩa văn-hóa của sách *Larousse du XX^e siècle* và của sách ***Từ-Hải***. Chúng ta thấy cách định nghĩa của họ chỉ gọi là văn-hóa cái mà ở đây tôi gọi là văn-hóa tinh thần, còn những cái mà tôi gọi là văn-hóa vật chất thì bị loại ra ngoài. Tôi xin nói ngay rằng dẫu tôi đồng ý với các sách ấy về sự phân biệt văn-hóa với văn-minh, đối với cái quan-niệm văn-hóa của họ mà tôi cho là hẹp hòi thì tôi không thể theo hẳn được. Những ý kiến của tôi

bày tỏ từ trước đến giờ đã bài bác gián tiếp cái quan-niệm ấy, ở đây tôi không phải bàn cãi lại nữa. Theo quan-niệm ấy thì văn-hóa chỉ là cái mà Các-Mác gọi là thượng-tầng kiến-thiết (superstructure) của xã-hội, xây dựng ở trên cái hạ-tầng cấu-tạo (infrastructure) vật chất mà thôi.

Cái nền tảng bề dưới ấy là do hình thái kỹ-thuật và hình thái kinh-tế cấu thành, cho nên chúng ta có thể nói rằng hạ-tầng cấu-tạo là nền văn-hóa vật chất.

Cái thượng-tầng kiến-thiết, Các-Mác cũng gọi là ý-thức-hệ (idéologie). Dùng về số ít thì chữ ấy chỉ những «ấn tượng, ảo tưởng, tư tưởng, nhân sinh quan», cùng tất cả những hiện tượng ý thức do tinh thần của người tạo ra. Những ý thức ấy là phản-ảnh, là hồi-hưởng của sự sinh hoạt của người ta ở trong xã-hội, cho nên nó lại theo từng phương diện của sự sinh-hoạt mà tổ chức thành những hệ-thống ý-thức hay ý thức-hệ — số nhiều — các ý-thức-hệ ấy gọi là đạo đức, tôn-giáo, triết-học, văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, tục-lệ, pháp-luật, v. v. . . gồm thành văn-hóa tinh thần.

Bây giờ chúng ta có thể tóm tắt sự phân tích trên mà nói rằng ***văn-hóa là cái tổng-thể gồm những thành phần rất phức tạp, đại khái có thể chia ra hai phần lớn: một là những giá-trị vật chất mà người ta thường gọi là văn-hóa vật chất, tức là cái mà Các-Mác gọi là hạ-tầng cấu-tạo; hai là những giá trị tinh thần mà người ta thường gọi là văn-hóa tinh thần, tức là cái mà Các-Mác gọi là thượng-tầng kiến-thiết hay ý thức-hệ.***

VĂN-HÓA VỚI SÁNG-HÓA. — Chúng ta đã biết văn-hóa khác với ý-thức-hệ thế nào. Nhưng vì văn-hóa vốn là sản phẩm của tinh thần cho nên người ta vẫn cho nó là một cái gì có tinh chất tinh thần, thuần túy tinh thần. Dù có nhận văn-hóa là gồm cả những trạng thái sinh hoạt vật chất và tinh thần đi nữa, người ta cũng vẫn có khuynh hướng muốn thu hẹp văn-hóa vào phạm vi tinh thần thôi. Bởi thế mà sinh ra cái quan niệm cho văn-hóa là gồm những giá-trị tinh thần hay những ý-thức-hệ như chúng ta vừa thấy. Song người ta lại phải đem cái quan niệm hẹp hòi thiên lệch ấy dung hòa với cái quan niệm văn-hóa chung, cho nên chúng ta thấy phát sinh một cái quan niệm văn-hóa gồm hai mặt. Ở Tây-phương thì quan niệm ấy tương đương với sự cộng tồn của hai chữ culture và civilisation mà chúng ta đã biết là thông dụng. Song, dẫu trong sự dùng thường, người ta vẫn không hề phân biệt hai chữ ấy, mà mỗi khi muốn bàn thấu triệt thì người ta lại cho rằng hai chữ ấy chỉ hai trạng thái hoặc hai lịch trình khác nhau. Nietzsche và nhiều nhà tư tưởng nước Đức thì cho rằng culture và civilisation là hai hiện tượng biểu hiện hai phương diện riêng và khác nhau của một lịch trình chung, một bên là quan năng sáng tạo (culture) một bên là quan năng hưởng thụ (civilisation). H. de Man là một nhà học giả nước Bỉ lại muốn thay vào hai danh từ mới là quan năng sản sinh (culture) và quan năng tiêu thụ (civilisation). Chữ trên là chỉ một lịch trình sáng tạo những giá-trị mới, tức nó gồm tất cả những sáng tác của tinh thần ; chữ dưới là chỉ một lịch trình tiêu thụ những giá-trị

có sẵn, tức nó gồm những phương thức sinh hoạt của người ta ở trong xã hội. Cái quan niệm ấy cho rằng văn-hóa theo nghĩa rộng là gồm hai lịch trình, không phải là kế tiếp mà là cộng tồn, lịch trình sản sinh văn-hóa, tức là lịch trình sáng tạo và tiến triển của văn hóa, và lịch trình tiêu thụ văn-hóa, tức là lịch trình hưởng thụ và bảo thủ của văn hóa. Tương đương với hai quan năng ấy H. de Man phân biệt các nhà trí thức thành hai hạng, một hạng là những người trí thức có thiên tài sáng tạo những giá-trị mới để làm cho xã hội loài người tiến triển không ngừng, một hạng là vô số những nhà trí thức chỉ dùng thông minh và tài năng để hưởng thụ, để giữ gìn những giá trị văn-hóa sẵn có, khiến nó thể hiện thành phương thức sinh hoạt cố định.

Nhưng thực ra, trong ý kiến của các nhà tư tưởng nước Đức và nước Bỉ về văn-hóa như tôi vừa dẫn đó, chúng ta nhận thấy họ chỉ phân tích cái hiện tượng chung là hiện tượng văn hóa của loài người thành hai lịch trình: sáng tạo (création, production culturelle) và hưởng thụ (jouissance, consommation culturelle), chứ họ vẫn nhận văn-hóa là một « khái niệm tổng thể (un concept total) tương đương với một thái độ nhất định của con người đối với hoàn cảnh do những qui luật tập thể qui định. . . là một hình thức chung của sự sinh hoạt, mà sự hoạt động kinh tế và chính trị chỉ là một phần, cũng như sự sản xuất khoa học và nghệ thuật cũng chỉ là một phần thôi » (1). Chữ culture họ đã dùng để biểu hiện

---

(1) H. de Man, *L'Idée socialiste*, Bernard Grasset, Paris 1935.

cái khái niệm toàn thể, mà đồng thời cũng dùng để biểu hiện cái khái niệm bộ phận chỉ riêng sự sáng tạo văn-hóa. Cứ quan niệm ấy thì chữ culture mà ta dịch là văn hóa, theo nghĩa rộng là chỉ cả cái trạng thái sinh hoạt chung của xã-hội, mà theo nghĩa hẹp thì nó lại chỉ lịch trình sáng tạo văn-hóa hay nói cho gọn là lịch trình sáng hóa mà thôi. Chúng ta không thể nói rằng lịch trình sáng hóa là tất cả văn-hóa được.

VĂN-HÓA VỚI GIÁO-HÓA. — Hai danh từ ***culture*** và ***civilisation*** mà người Đức và người Bỉ phân biệt như tôi vừa thuật, thì người Pháp và người Anh phân biệt một cách khác. Người Anh và người Pháp, như tôi đã nói ở mục về vấn đề dùng chữ, thường dùng hai chữ này theo một nghĩa như nhau. Nhưng khi nào muốn dùng chữ tách bạch thì họ lại dùng chữ civilisation để chỉ cái lịch trình sáng tạo và phát triển văn-hóa của xã hội (theo nghĩa này họ cũng thỉnh thoảng dùng chữ culture), và chữ culture để chỉ cái lịch trình hưởng dụng văn-hóa của cá nhân. Theo nghĩa ấy, ông J. Hademard, một nhà bác học nước Pháp có chân trong viện Institut, đã nói rằng : « culture là một sự giáo-hóa (formation) một sự luyện tập tinh thần (entrainement de l'esprit (1). . . *Culture* hiểu theo cách ấy, có thể tạo thành một hạng người thượng lưu có năng lực tinh thần để tham dự vào văn-hóa của nước Pháp và văn-hóa của nhân loại (2) Hiểu như thế thì vấn đề *culture* chỉ là một vấn đề

(1) và (2) *Science et culture* trong tạp chí Civilisation nouvelle số 2. 1938.

giáo-hóa cá-nhân mà thôi. Người mình vốn cho rằng chữ văn-hóa là tương đương với chữ culture của người Pháp và người Anh, mà lại thấy người Pháp và người Anh hay dùng chữ *culture* theo nghĩa giáo-hóa ấy, cho nên mỗi khi nói đến văn-hóa thì người ta – nhất là những người giỏi tây học — nghĩ ngay đến vấn đề giáo-hóa mà quên hẳn vấn đề văn-hóa chung. Đành rằng giáo-hóa là một thành phần quan trọng trong tổng thể văn-hóa, nó lại là cái lợi khí để tăng tiến năng lực tinh thần của cá-nhân để xúc-tiến sự tiến-bộ của văn-hóa, nhưng nó vẫn chỉ là một phần của văn-hóa, không thể lộn bộ phận với toàn thể được. Vậy thì chữ *culture* dùng theo nghĩa ấy, chúng ta phải dịch là giáo-hóa chứ không nên dịch là văn-hóa.

Chữ *homme cultivé* hay *esprit cultivé* trong tiếng Pháp là chỉ người có *culture* theo nghĩa này, nghĩa là người có giáo-hóa, tinh thần được đào luyện nên

---

(1) Trong sự dịch tiếng Tây sang tiếng bản quốc, người Tàu thường dùng một phương pháp dẫu tiện tiệp mà lại quá đơn giản là chỉ dịch một tiếng nào theo nghĩa chính thành một tiếng bản quốc rồi họ *ghép cho tiếng này* tất cả những nghĩa khác của cái tiếng tây họ đã dịch đó.

Ví dụ họ dịch chữ économie, économique, là kinh tế (kinh tế học), rồi đến cả chữ économie dùng theo nghĩa tiết kiệm, như économie de temps, họ cũng cứ dịch là kinh tế mà nói «thời gian đích kinh tế» 濟經的間時 Chữ *homme cultivé* mà dịch là văn-hóa nhân là cũng do phương-pháp dịch chữ đơn giản ấy mà chúng ta không nên bắt chước.

không có cục-xúc, hẹp-hòi, thô-kịch, tức là người có tinh thần ưu-nhã, khoát-đạt sáng-suốt, tinh vi, là người « có đủ năng lực để thưởng thức, lý giải hoặc sáng tác công trình kiến-thiết của loài người ». Người Tàu—theo hai ông Đặng thái Mai và Nguyễn hữu Đang dịch chữe sprit cultivé là văn-hóa nhân 文化人, tôi tưởng dịch như thế là sai, là lạm dụng chữ văn-hóa(1). Song dẫu người Tàu có quen dịch như thế nữa thì chúng ta cũng bất tất phải bắt chước, vì theo tôi biết, thì tòng lai người mình tuy đã dùng chữ văn-hóa rất nhiều, mà chữ văn-hóa nhân thì chưa hề một ai dùng đến.

VĂN-HÓA VỚI VĂN-HÓA. — Chúng ta đã nhận rõ sự phân biệt của văn-hóa với văn-minh, với ý-thức-hệ với sáng-hóa và với giáo-hóa. Chúng ta đã thấy rằng văn-minh là một trạng thái tương đương với trình độ khá cao của văn-hóa, ý-thức-hệ là phần trên của văn-hóa, sáng-hóa là lịch trình sáng tạo của văn-hóa và giáo-hóa chỉ là một phần riêng của văn-hóa, mà văn-hóa thì gồm tất cả những hình-thức sinh-hoạt vật chất và tinh thần của người ta từ buổi nguyên thủy đến nay. Theo quan niệm ấy thì văn-hóa không những là tài sản chung của cả loài người được hưởng mà cũng là do cả loài người cấu tạo. Vậy thời hoạt động văn-hóa là công việc của tất cả mọi người.

Nhưng, như tôi đã nói ở chương nhất, sự hoạt động văn-hóa có ý nghĩa khác hẳn với sự sinh hoạt thường. Ở đây tôi muốn chỉ rõ những điều kiện của sự hoạt động văn-hóa và nhân đó chúng ta sẽ thấy cái chân tướng của văn-hóa được rõ thêm.

Chúng ta đã biết văn-hóa là chỉ chung tất cả những giá-trị do tinh thần của người sáng tạo ra. Vậy cái tính chất chủ yếu của một giá-trị văn-hóa là sáng tạo. Con người đầu tiên lấy một cục đá mà đẽo thành cái búa là đã sáng tạo được một giá-trị văn-hóa mới, nhưng cái người thứ hai đã theo cái hình thức và cái phương pháp của người trước mà làm vô số những búa đá tương tự thì chỉ là lập lại một cách máy móc những cử chỉ của người trước để chế tạo chứ không sáng tạo được gì cả. Chúng ta có thể nói rằng cái hành động của người thứ nhất là một hành động văn-hóa, mà cái hành động của tất cả những người sau chỉ là hành động sản xuất mà thôi. Bao nhiêu người nông phu cuốc đất để trồng trọt chỉ là làm một hành động sản xuất, nhưng cái người đầu tiên chế ra cái cày thứ nhất để cho trâu bò kéo mà cày ruộng là đã làm một hành động sáng tạo văn-hóa ; song sau đó, bao nhiêu người khác làm cày và dùng cày lại cũng chỉ là làm những hành động sản xuất mà thôi. Một người kỹ sư phát minh một thứ máy mới để lọc đường là đã sáng tạo giá-trị văn-hóa mới, chứ bao nhiêu người kỹ-sư mua cái máy chế sẵn rồi cứ trông nom cho máy chạy để dùng mà lọc đường là chỉ làm một hành động sản xuất chứ không sáng tạo gì cả. Nhưng nếu người kỹ sư lấy những bộ phận máy móc rời rạc mà tổ chức thành một cái máy theo kiểu riêng mình, tự tạo ra hay tổ chức công cuộc trong nhà máy theo qui mô của mình tự đặt ra mà cải thiện được tình hình sản xuất thì ta lại có thể nói rằng người kỹ-sư ấy đã làm việc sáng tạo.

Một người bác-sĩ phát minh được một cách trị bệnh mới là đã sáng tạo giá-trị văn-hóa mới, chứ vô số

những người bác-sĩ khác chỉ dùng những thuốc có sẵn mà chữa những bệnh nhất định thì đâu có phải là sáng tạo cái gì. Nhưng đứng trước một bệnh đặc biệt, người bác-sĩ định đoạt một y án đặc biệt để chữa và đem kinh nghiệm của mình truyền cho đời, thì ta lại có thể xem người bác-sĩ ấy là làm việc sáng tạo.

Xem thế thì chúng ta thấy rằng hoạt động văn-hóa tức phải là sáng tạo văn-hóa.

Nhưng văn-hóa lại không phải là những giá-trị đột nhiên xuất hiện rồi lại đột nhiên biến mất để nhường chỗ cho những giá-trị mới cũng đột nhiên hiện một. Những giá-trị mới xuất hiện được là nhờ các giá-trị cũ đã mở đường và sắm sẵn điều kiện thuận tiện. Những giá-trị cũ cũng nhiều khi dùng được lâu dài mà những sự phát minh mới chỉ là cải thiện giá-trị cũ thôi. Văn-hóa là một thể liên tục, không phải chỉ gồm có những giá-trị mới sáng tạo mà lại gồm tất cả những giá-trị cũ tái tạo. Những giá-trị cũ không được tái-tạo là mất hẳn trong văn-hóa, nhưng những giá-trị cũ được tái-tạo thì lại chiếm một phần rất lớn trong tổng thể văn hóa. Xem thế thì sự hoạt động văn-hóa không phải chỉ là sáng tạo giá-trị mới, mà phần nhiều là tái-tạo giá-trị cũ. Một nhà văn, một nhà báo, sau khi đã hưởng thụ những giá-trị văn-hóa lại đem những điều sở đắc của mình mà viết sách, viết báo, tức là tái-tạo những giá-trị văn-hóa cũ để chuyển đạt cho công chúng hưởng thụ, thế cũng là hoạt động văn-hóa. Một người giáo-sư dạy học, cứ theo những điều đã học trong thư-tịch mà dạy lại, một người giáo-sư giảng đạo cứ theo những điều đã học trong kinh điển mà giảng lại, tuy không phải là sáng tạo giá-trị văn-hóa mới, nhưng cũng là tái-tạo giá-trị văn-hóa cũ để truyền đạt cho người khác hưởng thụ, chúng ta cũng có thể xem sự hoạt động của họ là hoạt động văn-hóa.

Tóm tắt những điều trên, chúng ta nên nhận rằng sự hoạt động văn-hóa là gồm hai hình thức sáng tạo

giá-trị văn-hóa mới và tái-tạo giá-trị văn-hóa cũ.

Nhưng giả sử có một nhà triết-học thiên tài cấu tạo trong trí-tuệ một học thuyết trác tuyệt, nhưng người ấy chưa kịp viết thành sách cũng chưa kịp truyền cho môn đồ mà bỗng chết đi ; giả sử có một nhà thi sĩ ngâm một bài thơ mới làm rất hay giữa chỗ rừng hoang, hoặc một nhà nhạc sĩ như Bá-Nha đánh một bản đàn mới đặt rất hay trên bờ sông vắng mà không có Tử-Kỳ nghe trộm, chúng ta thử hỏi cái học thuyết trác tuyệt ấy cùng bài thơ, bài nhạc tuyệt diệu ấy có thể gọi là những giá-trị văn-hóa được không ? Tôi quả quyết đáp rằng không, vì các giá-trị ấy không sống vào trong xã-hội thì dẫu có cũng như là không có.

Tới một bước nữa, chúng ta lại giả thiết một nhà thi-sĩ, trong một cuộc hội hợp văn nghệ, ứng khẩu đọc một bài thơ rất hay, nhưng sau đó người ấy không biên chép lại, đồng thời các thính giả cũng không ai nhớ cả, hay một nhạc-sĩ cũng tức tịch đánh một bản nhạc rất hay cử tọa nghe đều cảm kích thán phục, nhưng sau đó không ai thuộc mà nhà nhạc-sĩ cũng không ghi lại, như thế thì bài thơ ấy cũng không thể thành giá-trị văn-hóa được.

Vậy chúng ta lại phải nói thêm rằng hoạt động văn-hóa tức là sáng tạo giá-trị văn-hóa mới hay tái-tạo giá-trị văn-hóa cũ để làm những tài sản chung cho xã-hội cùng hưởng thụ lâu dài,

* * *

Nhưng, như tôi đã nói ở đoạn trên, vì sự phân công ở trong xã-hội một ngày một tinh tế cho nên ở xã-hội ngày nay chúng ta thấy có một hạng người chuyên môn về sự hoạt động văn-hóa, mà các người khác, tuy có thể thỉnh thoảng tham dự vào sự hoạt động văn-hóa, nhưng không phải là chuyên môn. Các nhà chuyên môn ấy, người ta thường gọi là người trí thức. Theo cái tiêu-chuẩn của sự hoạt động văn-hóa đã nhận định ở trên, thì những người trí thức chuyên

môn phải là những người chuyên môn về sự sáng tạo hay tái tạo những giá-trị văn-hóa, ví như các nhà nghệ sĩ, thi-sĩ, văn-sĩ, triết-học, khoa-học, giáo-sư, bác-sĩ, luật-sư, kỹ-sư, giáo-sĩ, v... v... Đồng thời với sự chuyên môn hóa của hoạt động văn-hóa, cái quan niệm văn-hóa cũng có khuynh hướng thu hẹp lại. Vì thế mà sinh ra những quan niệm cho văn-hóa là ý-thức-hệ, hoặc cho văn-hóa là sáng-hóa hay là giáo-hóa, như chúng ta đã thấy ở trên. Chúng ta đã nhận văn-hóa vốn rộng hơn cả ý-thức-hệ, sáng-hóa và giáo-hóa. Nhưng cái xu-hướng thu hẹp quan niệm văn-hóa đi đôi với cái xu-hướng chuyên môn hóa của hoạt-động văn-hóa lại là một hiện tượng dĩ-nhiên, không thể chối cãi được, cho nên chúng ta tất phải nhận xem cái phạm vi thu hẹp ấy thế nào là chính xác. Muốn thế chúng ta cũng phải bằng cứ vào sự hoạt-động văn-hóa.

Những hạng trí thức chúng ta liệt kê ở trên có phải đều là những nhà chuyên môn hoạt-động văn-hóa không? Xét chung thì họ đều là những người hoạt-động về văn-hóa, nhưng không phải rằng tất cả sự hoạt-động của họ đều là hoạt-động văn-hóa cả. Lấy những điều kiện của sự hoạt-động văn-hóa mà chúng ta đã đặt ở trên kia làm tiêu-chuẩn, thì chúng ta thấy rằng họ chỉ hoạt-động văn hóa khi nào họ nhắm vào cái mục-đích sáng tạo giá-trị mới hay ít ra cũng tái tạo giá-trị cũ để hoạt-động, nghĩa là khi nào sự hoạt-động của họ có tính chất sưu tầm (recherches). Cái kết quả của sự hoạt-động của họ nghĩa là của sự vận-dụng năng lực tinh thần của họ, một mặt là tái tạo những giá-trị cũ để cho xã-hội được hưởng dụng mà duy trì và tiếp tục cái tài sản văn-hóa người trước để lại tức là để sắm sửa những điều kiện cho văn-hóa có thể tiến triển một mặt là đem những giá-trị mới, những sáng tạo mới để khiến văn-hóa của nhân loại tiến triển lên trình độ cao hơn. Vậy chúng ta có thể nói rằng sự hoạt-động văn-hóa của các trí

thức chuyên môn là cái hoạt-động cốt dùng năng lực tinh thần cốt phát triển những năng lực ấy để xúc tiến văn-hóa của xã-hội. Vì các nhà trí thức chỉ chuyên chú vào công cuộc phát triển những năng lực tinh thần như thế cho nên đối với họ văn-hóa chỉ là những *năng lực tinh thần xúc tiến sự tiến triển của văn-hóa, và nói rộng ra, là những năng lực tinh thần gây nên những phương-thức sinh-hoạt của xã-hội mà chúng ta đã gọi là văn-hóa theo nghĩa rộng*. Xem thế thì đối với các nhà trí thức tuy họ nhận văn-hóa cũng chỉ chung cái tổng thể gồm tất cả những giá-trị vật chất và tinh thần của loài người nhờ vào mà sinh-hoạt, nhưng đứng riêng trong phạm vi hoạt-động chuyên môn của họ, họ chỉ biết có cái văn-hóa nghĩa hẹp chỉ những năng lực tinh thần mà thôi.

Chúng ta đã thấy các nhà trí thức tự nhận mình có độc quyền hoạt-động văn-hóa cho nên có khuynh hướng thu hẹp văn-hóa lại thành những năng lực tinh thần. Song cái khái niệm năng lực tinh thần là một khái niệm mập mờ cho nên mỗi người nhận định nó theo một cách. Có người cho năng lực tinh thần tức là những giá-trị tinh thần, kết tinh thành những cái mà người ta thường gọi là hình-thái ý thức cho nên như chúng ta đã thấy, họ chủ trương rằng văn-hóa theo nghĩa hẹp là ý-thức-hệ, như thế là lộn quả với nhân. Có người cho rằng năng lực tinh thần xúc tiến sự phát triển của văn-hóa bằng sự sáng tạo cho nên họ chủ trương rằng văn-hóa theo nghĩa hẹp là sáng hóa, hoặc cho rằng năng lực tinh thần xúc tiến sự phát-triển của văn-hóa là do sự hành động của cá nhân, cho nên chủ trương rằng văn-hóa theo nghĩa hẹp là đào luyện tinh thần của cá nhân, như thế là lộn dụng với thể. Ở trên kia tôi đã chỉ rõ chỗ phân biệt giữa ý-thức-hệ, sáng-hóa cùng giáo-hóa với văn-hóa theo nghĩa rộng. Văn-hóa theo nghĩa

hẹp, như chúng ta vừa thấy, là những năng lực tinh thần cũng không thể lộn với ý-thức-hệ sáng hóa và giáo-hóa được.

Chúng ta đã biết rằng văn-hóa là gồm cả những giá-trị vật-chất và tinh thần. Những năng lực của tinh thần loài người, những năng lực sáng tạo và tái tạo văn-hóa, tức là năng lực sản sinh — theo danh từ của H. de Man — mà những giá-trị vật-chất và tinh thần, gọi chung là giá-trị văn-hóa, là do những năng lực ấy sản sinh ra. Ý-thức-hệ chỉ là một phần trong các giá-trị do những năng lực ấy sản sinh. Sáng-hóa chỉ một phương diện lịch trình sản sinh ấy, còn giáo-hóa thì chỉ là sự đào luyện tài bồi những năng lực ấy ở trong cá nhân. Xem thế thì chúng ta thấy, theo nghĩa rộng, văn-hóa là gồm tất cả những giá-trị vật-chất và tinh-thần mà tất cả loài người sản sinh, mà theo nghĩa hẹp thì văn-hóa chỉ là gồm những năng lực tinh thần do các nhà trí-thức vận-dụng để duy trì và phát triển những giá-trị văn-hóa theo nghĩa rộng kia.

Vậy thời khi nào chúng ta nói đến văn-hóa của loài người, văn-hóa của một xã-hội, của một dân tộc, thì chúng ta phải hiểu văn-hóa theo nghĩa rộng, khi nói đến sự hoạt-động văn-hóa của phái trí-thức, hoặc nói đến năng lực văn-hóa để đối với năng lực kinh-tế hay chính-trị, thì chúng ta phải hiểu văn-hóa nghĩa hẹp.

* * *

Đến đây tôi nhớ lại một câu hỏi của người bạn rằng : Sau khi đã định-nghĩa chữ văn-hóa, chúng ta có thể dựa vào cách định nghĩa ấy mà nhận rõ thế nào là một vấn đề văn-hóa, khác với những vấn đề chuyên môn khác, như vấn đề kinh-tế, vấn đề chính-trị được không. Bằng vào giới thuyết của văn-hóa theo nghĩa rộng, chúng ta có thể nói rằng những vấn đề riêng, như vấn đề kỹ-thuật, vấn đề kinh-tế, vấn đề chính-trị, vấn đề

khoa-học, vấn đề triết-học, nếu người ta chỉ đặt nó ở trong phạm vi chuyên môn để nghiên-cứu về những chi tiết chuyên môn thì nó chỉ là vấn đề riêng, nhưng nếu người ta đặt nó ở trong phạm vi văn-hóa, xem nó là một môn-bộ mật thiết của vấn đề văn-hóa chung, không thể nghiên-cứu về chi tiết ở trong phạm vi chuyên môn, mà phải nghiên-cứu về phương diện liên-quan mật thiết với toàn thể văn-hóa, thì nó thành những vấn đề văn-hóa rồi. Tôi xin dẫn một ví dụ cụ thể : Chúng ta có những vấn đề thuộc về chính-trị. Trong vấn đề thứ nhất, chúng ta chỉ nghiên-cứu thảo luận về những phương pháp thực tiễn về việc tổ-chức các cơ-quan hành-chính hay các cơ-quan dân cử, chúng ta có thể xem đó là một vấn đề chính-trị, hoàn toàn chính-trị. Trong vấn đề thứ nhì, chúng ta nghiên cứu và thảo luận về những nguyên tắc, những lý-thuyết chính-trị, ví dụ về thuyết quân chủ lập hiến hay vô sản chuyên chính, tất nhiên chúng ta không thể đứng riêng trong phạm vi chính-trị mà bàn, mà phải đề cập cả các vấn đề kinh-tế, xã-hội, khoa-học, triết-học, v... v... nghĩa là phải bao quát các môn bộ văn-hóa khác, như thế chúng ta có thể cho rằng vấn đề chính-trị đương bàn đó đồng thời cũng là một vấn đề văn-hóa. Trong một vấn đề thứ ba, chúng ta bàn về các lý-thuyết chính-trị, nhưng không chú trọng đến hình thức chính-trị mà chỉ chú trọng về những tư-tưởng có thể gây nên những cuộc hành động chính-trị, những cuộc cải cách hoặc cách mệnh để khiến trạng thái xã-hội, tức là văn-hóa, phải thay đổi ; chúng ta có thể xem vấn đề ấy chỉ là một vấn đề văn-hóa, chứ không phải là một vấn đề chính-trị nữa. Bây giờ nếu chúng ta bỏ hẳn không đứng trong một phạm vi riêng nào mà chỉ bàn về những năng lực tinh thần chúng ta phải phát triển trong các phương diện để xúc tiến sự tiến triển của văn-hóa thì vấn đề chúng ta bàn đó là vấn đề hoàn toàn văn-hóa, lại có thể xem là vấn đề chuyên môn văn-hóa.

Xem thế thì thấy rằng tương đương với sự chuyên môn hóa của sự hoạt động văn-hóa, chúng ta thấy phát sinh một quan niệm chuyên môn về văn-hóa, đồng thời ckúng ta lại có thể phân biệt những vấn đề chuyên môn văn-hóa vơi những vấn đề chỉ có tánh chất văn-hóa thôi.

Bàn về sự hoạt động văn-hóa, chúng ta chỉ mới đứng về phương diện văn-hóa chung của loài người mà xét. Nhưng như ở đoạn trên chúng ta đã thấy, sự phân hóa của xã-hội đã khiến một phần lớn những giá-trị văn-hóa của loài người bị các giai-cấp thống trị chiếm làm của riêng để hóa thành văn-hóa gia-cấp mà dùng làm lợi khi thống trị. Bởi thế cho nên trong hạng tri-thức là hạng người chuyên môn hoạt động về văn-hóa, chúng ta thấy một phần đông bị quyền lợi hay những điều kiện xã-hội khác buộc vào phạm vi giai-cấp thống trị mà hoạt động. Dù là họ sáng tạo giá-trị mới hay tái tạo giá-trị cũ, họ cũng chỉ là hoạt động trong phạm vi văn-hóa giai-cấp. Họ là những người sản xuất và duy trì những tư-tưởng, những quan-niệm, những ảo-tưởng, những cảm giác, những ấn tượng, nói tóm lại là những ý-thức-hệ mà Các-Mác gọi chung là cai thượng tầng kiến-thiết của xã-hội xây dựng trên hạ tầng cấu-tạo là điều kiện kinh-tế, là cơ-sở vật-chất. Như Các-Mác đã nói, ý-thức-hệ giai-cấp ấy là ý-thức-hệ của cả một thời đại, vì cái lực lượng thống trị về vật chất tất nhiên cũng là lực lượng thống trị về tinh-thần. Nhưng chúng ta nên hiểu lời nói danh thép của Các-Mác theo một ý nghĩa uyển chuyển hơn là ý-thức-hệ của một thời-đại hầu hết là ý-thức-hệ của giai-cấp thống trị, mà ở ngoài ý-thức-hệ thống trị ấy vẫn còn có chỗ cho những ý-thức-hệ khác, duy ở buổi mà ý-thức-hệ thống trị đương toàn thịnh thì những ý-thức-hệ khác đại-biểu cho những nhu-cầu giải thoát của loài người chỉ sống âm thầm trong đân chúng, cho đến khi có những bậc tri-thức thiên tài, biểu hiện ra

thành những ý-thức-hệ đối lập với ý-thức-hệ thống trị. Theo sau những bậc « Tiền-tri-giác » sáng tạo ý-thức mới ấy, mới xuất-hiện những nhà trí-thức hoặc vì điều kiện sinh hoạt đặc biệt không bị những xiềng xích giai-cấp ràng buộc, hoặc cố ý thoát ly xiềng xích giai-cấp mà đứng về phương diện của toàn thể xã-hội, để bồi đắp, phát triển, phổ thông những ý-thức mới ấy thành một ý thức-hệ cách-mệnh để tranh đấu với cái ý-thức-hệ cũ. Chính vì thế mà sinh ra vấn đề « chiến-tuyến văn-hóa », mà chính ta có thể xem là cái chiến-tuyến gồm tất cả những nhà trí-thức chuyên môn nhân danh toàn thể xã-hội để đem những giá-trị văn-hóa mới, văn-hóa chung của xã-hội, mà đánh đổ văn-hóa cũ. Cái lợi khí chung của chiến-tuyến văn-hóa mới là cái ý-thức-hệ mới mà mỗi người trong chiến-tuyến cố trau dồi và phát triển trong địa hạt riêng của mình: Nghệ thuật, văn-chương, học-thuật, khoa-học, tôn-giáo, v... v... Chiến-tuyến văn-hóa mới chỉ có lý do tồn tại trong khi văn-hóa cũ đương còn có vô số những nhà trí-thức thần thuộc ra sức bảo vệ cho nó.

Kết-luận... hay tự-luận

Ba đoạn trên tôi viết trong ba trường hợp khác nhau, nhưng cái đề mục thì vẫn là cái vấn đề định nghĩa chữ văn-hóa. Đoạn thứ nhất sau khi nói sơ lược văn-hóa khác với văn-minh và với ý-thức-hệ thế nào, tôi đã nhấn mạnh vào chỗ văn-hóa là biểu hiện của *tất cả phương diện sinh-hoạt, vật-chất* và *tinh-thần* để chỉ rõ khác nhau của sự hoạt-động văn-hóa và sự sinh-hoạt thường là thế nào. Tôi lại nhân chỉ cái tính cách bị qui định của văn-hóa bởi điều kiện sinh-hoạt để cuối cùng nói rằng sự hoạt-động văn-hóa không thể không di sát với cuộc sinh-hoạt thực-tế được.

Sau đó, tôi lại viết một đoạn giải thích chữ văn-hóa kỹ càng hơn kỳ trước. Trong đoạn này, tôi bắt đầu chỉ-định văn-hóa là « cái lợi khí do tinh-thần của người nhờ cần-lao và hợp-tác mà sáng tạo ra để tranh đấu với hoàn cảnh » rồi để chú giải quan niệm ấy một cách cụ thể hơn tôi nhắc lại lai lịch của văn-hóa từ buổi nguyên-thủy cho đến ngày nay : buổi đầu là lợi khí của người tạo ra để chống với tự-nhiên, đến khi xã-hội phân hóa thành giai cấp thì văn-hóa biến thành lợi khí của cuộc giai-cấp tranh-đấu. Song một

mặt thì ở trong thâm-để của người giai-cấp tung hoành trên xã-hội, vẫn dấu kín cái dục vọng khao khát thiết tha sự giải phóng chỉ chờ có cơ hội là nổ bật ra. Một mặt khác thì ở tầng dưới, như một mạch nước ngấm ngầm trong đất, vẫn chảy hoài cái nguồn văn-hóa chung của loài người, mà những văn-hóa giai-cấp ở trên xã-hội chỉ là những suối nước hiện lên mặt đất mà thôi ; trong khi các văn-hóa giai-cấp đấp đổi nhau mà chiếm quyền bá chủ trên xã-hội, thì cái mạch văn-hóa chung của người vẫn chảy ngấm ngầm ở trong các tầng lớp dân chúng để đến khi dân chúng hoàn toàn chiếm địa vị chủ nhân ông trên xã-hội thì mạch nước ấy không bị cái gì ngăn trở nữa mà sẽ chảy tràn trề ra thành sông lớn biển rộng được.

Lại sau nữa, tôi tưởng chúng ta cần phải bàn luận một lần nữa để mong đi đến chỗ nhận định rõ ràng hơn cái ý nghĩa của danh từ văn-hóa là cái danh từ hiện nay người nào, lúc nào, chỗ nào cũng thấy nói đến mà thực ra thì không ai chịu nhận định cho thanh sở. Lần này tôi gắng hết sức đứng về phương diện khách quan để bàn. Trước hết tôi theo phương diện khách quan mà chỉ nguyên lai của chữ văn-hóa chúng ta dùng. Tiếp đó, tôi so sánh khái niệm văn-hóa với khái niệm văn-minh mà nhận rõ chỗ khác nhau của nó ; ở phần thứ ba, tôi phân tích cái khái niệm văn-hóa để nhận rõ chỗ khác nhau giữa văn-hóa và ý-thức-hệ. Đến phần thứ tư và thứ năm, tôi lại chỉ rõ rằng sáng hóa chỉ là một phương diện của lịch trình sản sinh văn-hóa mà giáo-hóa thì chỉ là một bộ phận nhỏ của văn-hóa mà thôi ; sau cùng

muốn nhận định chân-tướng của văn-hóa, tôi thử tìm xem hoạt-động văn-hóa là thế nào, rồi nhân sự chuyên môn hóa của sự hoạt-động văn-hóa, tôi tìm đến cái quan-niệm văn-hóa thu hẹp thành những năng lực tinh-thần xúc-tiến sự tiến triển của văn-hóa chung của xã-hội.

Thực ra, ba đoạn ấy đều chỉ bàn về một đề mục là « Văn-hóa là gì ? » nhưng trong mỗi đoạn tôi đứng về một phương diện riêng mà bàn. Tôi ước ao rằng đã đạt được một phần nào cái tham vọng định nghĩa chữ văn-hóa là một chữ đã làm người ta hao tổn bao nhiêu giấy mực và tinh-lực chỉ vì người ta không chịu tìm hiểu một cách khách quan.

Nếu chúng ta đã có thể đồng ý nghĩa và giới hạn của chữ văn-hóa, thì chúng ta sẽ dễ dàng đồng ý về ý nghĩa và giới hạn của sự hoạt-động văn-hóa. Tiến lên một bực nữa, nếu chúng ta lại quả quyết nhận định cái nhu-yếu gây dựng một văn-hóa mới cho dân tộc, cho loài người ngày nay, nếu chúng ta nhận thấy cái xu hướng mạnh mẽ của nền văn-hóa mới đương hăng hái và quyết liệt tự đào tạo ở trong nhân loại thì chúng ta đã có được những điều kiện cơ bản để hành-động, nhưng công việc của chúng ta vẫn chưa làm được chút nào, vẫn còn nguyên cả. Sự hoạt-động văn-hóa mới của chúng ta bây giờ là mới mở mối đầu.

MỤC LỤC

I.— Ý NGHĨA CHỮ VĂN-HÓA TRANG

Giới thuyết — Điều kiện của văn-hóa. 7

Hoạt-động về văn-hóa.

II.— LAI LỊCH CỦA VĂN-HÓA

Khởi sơ văn-hóa chỉ là tranh đấu với đất 16

Văn-hóa chuyển thành tranh đấu với người

Văn-hóa mới chỉ còn tranh đấu với trời

III.— BÀN LẠI VỀ QUAN-NIỆM VĂN-HÓA

Văn-hóa với văn-minh. 44

Văn-hóa với ý-thức-hệ.

Văn-hóa với sáng-hóa.

Văn-hóa với giáo-hóa.

Văn-hóa với văn-hóa.

KẾT LUẬN... HAY TỰ LUẬN 73

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R. F.
IMPRIMÉS

NHÀ XUẤT BẢN

TÂN VIỆT - HANOI

Những sách in và phát hành tại Saigon

ĐÃ CÓ BÁN

CHÙA ĐÀN

Tiểu thuyết của NGUYỄN TUÂN (12$00)

HƯƠNG NGỌC

của NHƯỢNG TỐNG (7$00)

ĐANG IN

VIỆT NAM SỬ LƯỢC *của TRẦN TRỌNG KIM*

VIỆT NAM VĂN PHẠM *của TRẦN TRỌNG KIM*

SẮP CÓ BÁN

Y-HỌC THỰC-NGHIỆM NHẬP MÔN

(Introduction à l'étude de la médecine expérimentale của CLAUDE BERNARD) Bản dịch của ĐINH HOÀN

Thư từ và ngân phiếu xin đề : NGUYỄN THỊ QUẾ

Chi ngánh TÂN VIỆT

18, Amiral Courbet (étage N° 2) — SAIGON

VĂN HÓA LÀ GÌ ?
Kiểm duyệt ngày 14-11-47
Giấy phép xuất bản số 215
in tại nhà Mỹ Khouan Cholon

BẢN GIẤY TRẮNG
GIÁ : 12$00